

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

Tích Truyện
Đức Từ Thị Quán Thế Âm

THÍCH TÂM BÒA

TÍCH TRUYỀN

ĐỨC TỪ THỊ
QUÁN
THỂ ÂM



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL. 2550 - DL. 2006

thuvienhuequang.vn

Lời nói đầu

*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch chư tôn Thiên đức!
Kính thưa quý độc giả gần xa!*

Cách đây không lâu, có một Phật tử tặng cho chúng tôi một bộ băng giảng về kinh Pháp Hoa của cố Hòa thượng Thích Tâm Thanh, gồm 30 cuốn, nhưng chúng tôi chỉ nhận được có 28 cuốn. Rồi do bận việc học, nên chúng tôi không có thời gian để nghe qua.

Mãi đến giữa năm 2005, vì tình trạng sức khỏe không được tốt, chúng tôi tạm thời nghỉ ngơi để dưỡng bệnh một thời gian. Trong khi rỗi rảnh, tình cờ chúng tôi tìm lại được bộ băng giảng ấy và bắt đầu chú ý lắng nghe. Khi đến cuốn thứ 28 giảng về phẩm Phổ Môn, chúng tôi rất tâm đắc những câu chuyện nói đến sự mâu nhiệm của Bồ tát Quán

Thế Âm, nhưng tiếc thay chưa nghe trọn vẹn, vì thiếu mất hai cuốn 29 và 30.

Trước khi vào dưỡng bệnh, có một vài huynh đệ khuyên chúng tôi nên nhất tâm trì niệm danh hiệu của Bồ tát Quán Thế Âm, hy vọng bệnh tình sẽ mau lành. Thật vậy, khi nghe bộ băng giảng của Hòa thượng Tâm Thanh về kinh Pháp Hoa mà đặc biệt là phẩm Phổ Môn, chúng tôi càng tin sâu vào phương pháp trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát. Không bao lâu bệnh tình thuyên giảm, thân thể tuy có sa sút nhưng tinh thần lại khỏe khoắn hẳn lên. Tôi tin đó là nhờ sự gia trì mẫu nhiệm của Ngài.

Vì thế, sau khi khỏe lại, chúng tôi có ý muốn sưu tầm, tham khảo và cố gắng viết một quyển sách nói về đức từ bi của Bồ tát, lấy tên là Tích Truyện Đức Từ Thị Quán Thế Âm.

Duyên may lại đến, tôi tìm đọc được quyển sách Phổ Môn Giảng Lục do Pháp sư Bảo Tịnh giảng và Hòa thượng Thích Trí Nghiêm dịch sang Việt văn. Trong đó, có vô số câu chuyện kể về sự cảm ứng của người trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát. Trên cơ sở đó, chúng tôi mạo muội viết và sửa chữa lại phần lớn những lời văn, song vẫn giữ được nội dung của cốt truyện. Cuối mỗi

chuyện, chúng tôi có viết thêm đôi dòng để phân tích cho rõ ràng phần ẩn nghĩa của câu chuyện, nhằm giúp cho người đọc có cái nhìn chính xác, tận tường hơn về đức từ thị của Bồ tát.

Vài tháng sau, quyển sách tạm thời được hoàn thành. Đó là nhờ vào sự gia hộ của mười phương chư Phật, chư đại Bồ tát, chư thiện tri thức gần xa, mà hơn cả là đức ân sư của chúng tôi – đại đức Thích Chân Tính – người đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để chúng tôi sớm hoàn thành được quyển sách này.

Chúng con xin cúi đầu đánh lễ, thành kính tri ân giác linh cố đại lão Hòa thượng thượng Tâm hạ Thanh, giác linh cố Ni trưởng thượng Như hạ Thanh, chư tôn Thiên đức đã tận tụy suốt cuộc đời công hiến cho hàng hậu học chúng con những tác phẩm kinh điển vô vàn quý báu.

Với sở học, sở tu còn non kém, lời văn thô thiển, ý tứ vụng về, có thể sẽ làm cho hàng trí giả cười chê. Song, bằng tất cả tấm lòng, chúng tôi muốn thắp sáng một chút niềm tin, sự an lạc, vững chãi trong tâm hồn của những ai đang trên bước đường tìm về Bảo sở. Đây là quyển sách đầu tay chắc chắn không thể nào tránh được sơ sót, vì thế

*khi đọc, kính mong quý vị mở rộng lòng từ chỉ dạy
và bỏ qua cho.*

*Nếu việc làm thiện mọn này có thành tựu
được chút phước lành nào, xin thành tâm hướng
về pháp giới chúng sinh, nguyện đều trọn thành
Phật đạo.*

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Kính đề
Thích Tâm Hòa

*

*

*

Phàm lữ

Độc quyển *Tích truyện đức từ thị Quán Thế Âm*; mong quý độc giả lưu ý ba điểm:

1. Phần nội dung câu chuyện được ghi bằng chữ đứng.

2. Để cho dễ phân biệt, phần lời bàn được ghi bằng chữ nghiêng. Phần này do chúng tôi mạo muội viết dựa trên lời bình của Pháp sư Bảo Tịnh cùng một số sách do chư tôn Thiên đức đã viết. Hy vọng, phần lời bàn sẽ không làm rối tâm của quý vị, trái lại đó chính là kinh nghiệm sống, kinh nghiệm tu tập mà chúng ta cần phải học tập, thực hành ở các bậc tiền nhân đi trước để lại.

3. Phần phụ lục chúng tôi có trích dẫn một vài câu chuyện tuy không nói về Bồ tát Quán Thế Âm, nhưng giá trị của nó cũng không kém phần quan trọng. Kính mong quý độc giả lưu tâm.

Tâm Hòa *cẩn bạch*

NIỆM QUÁN ÂM THOÁT ĐƯỢC THỦY TAI

*Nước lũ cuốn, người người vong mạng
Giữa biển sâu, hiện Phật Quán Âm*

Xưa kia, có người con nhà họ Lưu, thường ngày chèo ghe bán hàng ở cửa biển. Hôm nọ, anh phát tâm đi triều bái Phổ Đà Sơn. Khi trở về, thuyền đi đến giữa dòng Liên Hoa Dương Hải thì gặp một trận cuồng phong dữ dội. Trong lúc mọi người đang hoảng loạn tìm cách thoát thân, bỗng nhiên anh thấy có ba đóa hoa sen vượt lên khỏi mặt nước biển, lớn bằng bánh xe.

Một đóa có Thiên Tài đồng tử đứng trên.

một đóa có Long Nữ đứng trên, riêng có một đóa hoa sen lớn đặc biệt do đức Quán Thế Âm ngự tọa, đầy đủ diệu tướng trang nghiêm, thanh tịnh phi thường. Nhân đấy, chàng họ Lưu nhất tâm cung kính lễ bái.

Trận cuồng phong mỗi ngày một lớn, khiến cho thuyền lật úp, mọi người trên thuyền đều bị chết trôi. Duy chỉ có chàng họ Lưu trong lúc nguy hiểm đó, anh cảm giác như ai đang công mình chạy đi thật nhanh, đi đến một chỗ nào đó liền thả anh xuống. Khi mở mắt anh thấy mình đang ở trước cửa nhà.

– Quái lạ thay! Núi Phổ Đà cách nhà anh hơn hai nghìn dặm đường, vậy mà trong tích tắc anh liền được trở về nhà. Chàng họ Lưu tự nghĩ.

Khi mẹ anh ra mở cửa, anh liền chạy vào nhà thuật lại mọi việc cho mẹ nghe. Từ đó cả hai mẹ con càng tin sâu vào danh hiệu của Bồ tát và tinh tấn hành trì. Nhờ vào sự gia hộ của Tam bảo mà anh như được tái sinh từ cõi chết trở về.

Lại có một gia đình đang lo việc song hỷ, cưới hỏi rước dâu cho con. Trong nhà ngoài ngõ

rộn ràng đông đảo, kể ra người vào náo nhiệt, tung bưng.

Bông dâu mây đen kéo về vây kín cả bầu trời, không gian tối đen như mực. Sấm sét đánh dội âm âm, mưa như trút nước, tầm tã suốt ngày. Mọi người đang vất vả tìm chỗ trú mưa, thì người trong làng cấp báo loan tin:

– Nước làm vỡ đê rồi! Bà con hãy mau đắp đê ngăn lũ. Hãy sơ tán trẻ em và người già đi nơi khác! Mau lên! – Tiếng la thất thanh hòa cùng tiếng sét vang dội cả một vùng.

Nhưng không còn kịp nữa. Dòng thác lũ cuộn cuộn, ồ ạt tràn về, làng mạc bỗng chốc chìm trong biển nước mênh mông. Tang điền tức khắc biến thành thương hải. Người chết kể cả ngàn vạn, duy chỉ còn có mỗi mình người con dâu là ngồi bình yên trên một chiếc ghế chằng chìm, chằng úp, xuôi dòng trôi đi. Dòng nước đưa nàng dạt vào một đám cây to, may mắn thay có người cứu vớt. Vậy là nàng thoát chết.

Họ nhà chồng thấy nàng còn sống vừa mừng nhưng cũng vừa ngạc nhiên, cho là chuyện lạ thường nên hỏi thăm:

– Nước lũ cuốn trôi cả người và vật, xác chết không sao đếm nổi, vậy mà sao con vẫn còn được bình an, hả con? Người trưởng tộc hỏi.

Cô kính cẩn thưa qua:

Vốn là nhà ba má con tín ngưỡng và hành trì danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm đã lâu. Khi nước tràn đến, con ngồi yên trên ghế, nhắm hai mắt, một lòng trì niệm danh hiệu Ngài. Nhờ đó mà được Ngài cứu thoát.

Lời bàn:

Cho nên biết, Phật pháp vốn chẳng phải mê tín.

Dưới con mắt tâm thường chúng ta cũng có thể nhìn thấy thế giới ngày nay chính là thời đại “thế loạn phi nhân”. Đời ngũ trược ác thế tai nạn thường xuyên xảy ra. Nào là động đất, núi lửa, sóng thần mà gần nhất là cơn bão kinh hoàng xảy ra ở Mỹ châu.

Chưa kịp trấn tĩnh bởi ngày 11/9, nước Mỹ lại phải đương đầu với bao tổn thất nặng nề về tài vật lẫn nhân mạng do thiên nhiên gây ra.

Hơn nữa, sự rắc rối của chúng sinh đang ở trong hậm hực, thù hiềm, oán giận chẳng biết nó bộc phát khi nào. Trong chốn đại địa này, giờ đây không còn một thước đất nào yên ổn để cho cái thân tạm bợ này sống sót, chớ đừng mong gì cao xa hơn!

Trên đời sở dĩ có sự tác loạn, tuy do một vài cá nhân làm đầu sở, nhưng kỳ thật cũng bởi do cộng nghiệp của chúng ta chiêu cảm. Chưa bao giờ nghiệp lực của chúng sinh nặng nề như thế này! Mỗi buổi sáng, tối mở tờ báo hay xem truyền hình, nghe đài là chúng ta có thể trực tiếp nhìn thấy sự chết chóc do súng đạn, do tai nạn giao thông, do thiên nhiên thời tiết.

Con sóng tham, sân, si, của chúng sinh cuộn cuộn chảy chưa hề ngưng nghỉ. Vì thế mới chiêu cảm lấy nỗi thống khổ của những con sóng đời mang đến. Thật kinh hoàng biết bao!

Nước, từ ngàn xưa là hình ảnh dung dị, hiền hòa, tượng trưng cho tình mẹ bao la vô bờ bến.

Nước đem đến cho con người nguồn sống, nguồn yên vui. Và trong chúng ta, ai ai cũng đã từng một lần tắm mình dưới dòng nước quê

hương trong lành, dịu ngọt. Cái cảm giác đó thật khó mà quên được!

Tuy nhiên, để đáp ứng cho cuộc sống ngày một tiến bộ, nhu cầu ngày một tăng cao, con người đã sử dụng nguồn nước quý giá đó một cách vô tội vạ, làm kiệt quệ mạch nước ngầm khiến cho sông ngòi, khô cạn. Chẳng những thế nạn phá rừng, ô nhiễm môi trường cũng chính là những yếu tố hàng đầu gây nên vô số thảm họa mà con người là đối tượng phải trực tiếp gánh chịu. Suy cho cùng nhân nào quả đó!

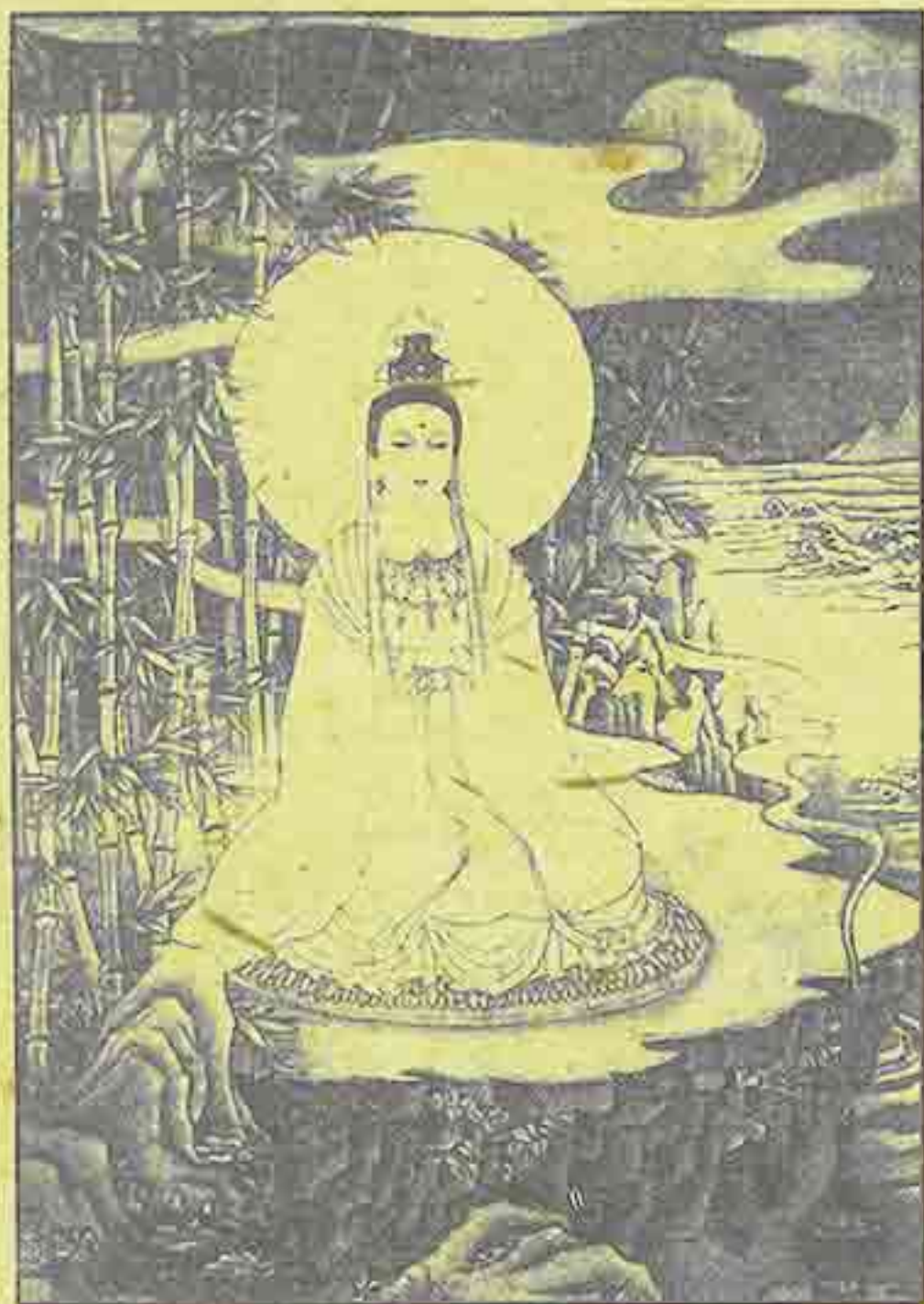
Song để có thể quán chiếu nhìn nhận vào sự thật một cách "chánh tư duy" thì chúng ta cần phải thực hành "chánh niệm". Làm sao để thực hành chánh niệm trong khi cuộc sống đang biến chuyển khôn lường? Cách duy nhất là thực hành trì niệm danh hiệu Phật, Bồ tát.

Danh hiệu của các Ngài có công năng đưa chúng ta trở về với giây phút sống hiện tại, lấy lại sự bình an, vững chãi trong tâm hồn, tỉnh thức trong từng lời nói, trong từng hành động. Thực tập được như vậy mới có thể phần nào giải

*thoát những khổ đau mà uổng chùng như bất
lực. Nào kể từ bây giờ chúng ta hãy thử xem.*

Cố lên các bạn!





*Mặc cho đau khổ triền miên
Điềm nhiên trước những náo phiền huyên hư*

PHÁP TRÍ HÒA THƯỢNG THOÁT HỎA TAI

*Lửa cháy mạnh, cuồng phong dữ dội
Niệm Quán Âm, lửa tắt, gió ngừng*

Trong thời đại Dao \leftarrow Tần, có Hòa thượng Pháp Trí. Một hôm, có việc cần Ngài phải đi xa. Khi đi qua một vùng hoang vắng, mênh mông có nhiều lau sậy, lấm cỏ rậm rạp, lại nhằm mùa nắng gió. Ngay khi ấy có người đốt cỏ, lửa cháy mạnh. Đột nhiên một trận cuồng phong từ đâu thổi tới dữ dội, làm cho lửa cháy lan khắp nơi. Chung quanh Hòa thượng được bao bọc toàn là lửa, không còn nơi nào tránh né.

Ngài bèn ngồi xuống, xếp bằng hai chân, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ tát: “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ tát”. Giấy lát, lửa cháy gần đến bên Ngài, tự nhiên Ngài cảm thấy trong cơ thể phát ra một luồng hơi nóng, liền đó Ngài ngất xỉu, giây lâu mới tỉnh lại.

Khi tỉnh dậy Ngài hết sức ngạc nhiên khi thấy những lùm cây lau cách Ngài chừng ba thước đều bị cháy trụi thành tro, mà trong ba thước chưa hề cháy tới. Nhờ đấy Ngài được khỏi nạn chết thui. Ngài thầm nghĩ đó chính là oai đức thần thông của Quán Thế Âm Bồ tát mới khiến được như vậy. Nếu Ta chẳng biết xưng niệm thời đã vong mạng lâu rồi!

Lời bàn:

Cho nên, chúng ta thấy khi niệm Phật hoặc Bồ tát cốt yếu là tâm được chuyên nhất: ngoài quên cả thế giới lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp); trong quên cả sinh mạng, thân thể. Năng sở đều mất, ngay lúc đó Quán Thế Âm trong tự tâm chúng ta hiện tiền để cứu thoát tai nạn.

Trong tự tâm của chúng ta hàm chứa "nhân quả". Cho nên trong tâm có lửa cháy nên mới cảm nhận được cái "nóng" của lửa bên ngoài. Nếu nhất tâm niệm danh hiệu Phật, Bồ tát thì tự nhiên lửa trong tâm được thu thập lại, vì thế lửa bên ngoài làm sao đốt cháy chúng ta được!

Đứng về phương diện bình dân mà nói, niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm thì khởi bị tai nạn về lửa, nhưng đứng về phương diện thực tập từ bi mà nói, khi mình có lòng thương ở trong trái tim thì lửa hận thù không cháy lên được, và mình không thấy nóng. Bồ tát Thích Quảng Đức khi ngồi xuống giữa ngã ba Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt, tưới xăng lên người, đốt lửa tự thiêu, và Ngài đã ngồi yên trong lửa đỏ!

Đối với một người khác, chỉ cần phồng một chút xiú ở tay là đã la trời la đất, nhưng ở đây lửa cháy toàn thân thể. Ngài vẫn ngồi rất yên, rất thẳng. Nếu không có lòng thương, làm sao ngồi yên và thẳng được như vậy? Cái biển lửa đỏ đối với Ngài giống như một ao sen, rất là trong mát. Có lòng thương thì tất cả mọi thứ đều trở thành tươi mát.

Trước khi tự thiêu, Ngài có để lại một số bài thơ, ngôn từ trong thơ không chứa đựng một chút bức bối hay căm thù nào cả. Tự hiến mình cho lửa đỏ để mong Tổng thống Ngô Đình Diệm và chính phủ bừng tỉnh, để đừng đàn áp Phật giáo nữa. Chết, nhưng chết rất nhẹ nhàng, chết mà chết bằng thi ca. Báo chí đã chụp hình, quay phim và chỉ bốn, năm tiếng đồng hồ sau là hình ảnh Ngài ngồi trong lửa đỏ đã được phổ biến khắp cùng trên thế giới, làm cho thế giới chấn động. Ngọn lửa đó như bức thông điệp hòa bình trực tiếp gửi đi thông qua nhục thân Bồ Tát Thích Quảng Đức. Cố nhiên khi có niềm thương ở trong lòng rồi thì ngọn lửa đó không còn nóng nữa. Có đức Quán Thế Âm trong lòng là mình có sự che chở¹.

Điều này chúng ta có thể thấy được trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Nếu có tình thương đối với mọi người, thì dù có cực nhọc, chúng ta cũng không thấy cực nhọc, trái lại chúng ta còn bắt gặp niềm vui trong đó nữa. Làm những điều cho người mà mình không thương,

¹ Trích Sen Nở Trời Phương Ngoại của Thích Nhất Hạnh, tr 242, 243, 244.

không yêu, dù đó là việc đơn giản nhất cũng sẽ trở nên khó khăn vô cùng. Trái lại, làm tất cả, hi sinh tất cả cho người mình yêu, dù có khó khăn gấp mấy đi nữa cũng thấy vui, thấy hạnh phúc, nhẹ nhàng sung sướng lắm! Đi vào lửa mà lửa không cháy được có nghĩa là như vậy.

*

* *



*Bạch Y Quán Thế Âm
Tay cầm bình nước tịnh
Rồng xanh lướt trên sóng
Thong dong cứu độ người*

TẠI VÌ GHEN!

*Tiếng thật giả phải phân cho rõ
Chớ vội nghe lời nói ở ngoài tai*

Thuở trước có một phu nhân nọ, từ nhỏ đến giờ một lòng tin tưởng, chuyên tâm trì niệm danh hiệu đức Quán Âm. Chồng bà là một thương gia, nên thường đi xa buôn bán.

Thỉnh thoảng, ông ta cùng những người bạn đồng sự uống rượu, vui chơi sau những chuyến đi dài mệt mỏi.

Ông thường khen vợ mình trước mặt mọi người. Ông bảo rằng:

- Nhà tôi rất đảm đang, thương chồng con

hết mực. Đặt biệt là từ khi chung sống đến giờ, nhà tôi luôn tỏ ra là người đoan chánh, trong sạch, thật thà...

Có một người bạn đồng sự nghĩ:

- Anh chàng này cứng vợ ra mặt, luôn khen vợ mình là trinh tiết, khả ái. Được rồi, mình sẽ chơi lão một cú cho bỏ ghét!

Một hôm, anh ta lén vào nhà bạn. Người vợ thấy khách của chồng mình liền ân cần tiếp đón rất lễ độ chứ chẳng dăm coi thường.

Đang loay hoay chế nước pha trà, cung tay vái mời thì nốt ruồi son trên cánh tay lộ ra vì tay áo rộng, tức thì ông khách nhìn thấy. Thế là ông ta "copy" nốt ruồi đó vào bộ nhớ làm đề tài chọc bạn mình.

Ngày nọ, như thường lệ những người bạn làm ăn gặp nhau. Anh chàng ngộ nghĩnh ấy nói:

- Bữa trước, tôi có đến nhà anh chơi. Anh thường khen chị nhà trinh tiết, đức hạnh nhưng tôi biết trên cánh tay của chị ấy có một cái nốt ruồi son, nếu không để ý thì chắc không thấy được đâu.

– Vậy thì vợ anh trình tiết ở điểm nào? Cứ thế mà suy thì biết vợ anh là... Anh ta ngập ngừng.

Tội nghiệp người chồng ngu si không hiểu rõ tận tường, vội vàng tin đó là sự thật. Tức thì anh chồng đỏ mào cay mắt, máu ghen sôi sục trong lòng.

Nửa đêm hôm đó, anh vác dao về nhà định chém vợ. Anh giận giữ kêu cửa:

– Mở cửa! Mau, mở cửa cho ta!

Liền khi đó có người nhà ra mở cửa, tức thì anh chém một dao vào người ấy, định chắc là nó đã chết vì trong nhà chỉ có hai vợ chồng. Mấy đứa con thì đã về nhà ngoại cả rồi.

Chém xong anh liền bỏ dao và chạy thật xa. Chạy một đoạn trong người thấm mệt, trời mờ mờ sáng. Tiếng gà trống gáy vang dội vào lòng anh xúc cảm dâng trào khó tả.

Trời còn mờ sương, cảnh vật chung quanh như chùng lại, anh ngồi phịch xuống tựa lưng vào một gốc cây suy nghĩ về những đứa con, về vợ anh, về cuộc sống bình yên hạnh phúc mà trước kia anh đã có.

Chẳng lẽ vì một chút lỗi lầm chưa chính xác mà mình phải đánh mất cả một gia đình êm ấm hay sao? Liệu vợ mình có thật như vậy không? Vợ mình chết rồi con mình sẽ ra sao? Còn mình...???

Anh suy nghĩ thật nhiều nhưng không câu hỏi nào có đáp án cả. Anh hồi hận định đập đầu vào thân cây để tự tử. Vừa định như vậy thì văng vẳng đằng xa vọng lại tiếng nói của con anh, của vợ anh.

Anh vụt chạy một mạch về nhà, nhìn qua cửa sổ anh thấy vợ mình vẫn đang ở trên Phật đường niệm Quán Âm. Nghe tiếng động vợ anh ra mở cửa. Nhìn bộ dạng bơ phờ của chồng, người vợ liền hỏi:

– Chàng đi đâu mà giờ này mới về, thiếp lo quá? Sao đầu tóc rối tung thế này? Có chuyện gì vậy chàng?

Anh định nói, song người vợ tiếp lời:

– Chàng ngồi nghỉ, thiếp đi lấy khăn nóng lau mặt và pha trà cho chàng uống, chắc là chàng đói lắm phải không?

Nhìn hành động và cử chỉ ngoan hiền của vợ, anh không tin là vợ mình có thể thất tiết được. Chàng biết là mình đã bị lừa. Một cú lừa ngoạn mục!

Bỗng nhiên chàng rùng mình khi nhớ lại lúc nãy đã tự tay chém chết vợ sao bây giờ... vừa nghĩ đến đây thì người vợ trong nhà bước ra. Anh liền hỏi:

– Lúc nãy có ai mở cửa không nàg?

– Dạ thưa không, khi nãy cửa vẫn khóa. Thiếp đợi hoài mà chẳng thấy chàng về rồi ngủ luôn trên Phật đường lúc nào không hay biết, chợt nghe tiếng động biết là chàng đã về, thiếp liền ra mở cửa mới hay trời đã canh năm. Người vợ dịu dàng đáp.

Nghe vợ nói, chàng bán tín bán nghi, không thể hiểu nổi, vì chính chàng đã tự tay chém chết người vợ của mình. Thế là chàng thuật lại đầu đuôi câu chuyện cho người vợ nghe và cảm thấy có một điều gì rất lạ sau sự việc ấy.

Nói đoạn, chàng bèn nhìn thấy trên đầu tượng Quán Âm có một vết dao rõ ràng mới

biết chính đức Quán Thế Âm hiện thân ra mở cửa cứu nạn cho vợ mình.

Từ đây trở đi hai vợ chồng hạnh phúc hơn xưa, gia đình luôn an vui hòa thuận, con cái hiếu thảo ngoan hiền, ngày ngày tin cần lễ bái và trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát.

Lời bàn:

Gia đình là tế bào của xã hội. Thật vậy, cuộc sống gia đình rất quan trọng trong vấn đề tồn tại và phát triển của một quốc gia. Vậy phải làm thế nào để gia đình luôn luôn hòa thuận, yên vui? Điều này rất khó mà cũng rất dễ. Vì sao?

Thứ nhất, nói là rất khó. Đó là đối với những người không hiểu biết, không am tường về cuộc sống gia đình. Hay nói đúng hơn là không chuẩn bị cho bản thân một số kiến thức cơ bản trước khi bước vào cuộc sống vợ chồng. Đó là cái khó thứ nhất. Nhưng:

– Những điều trên chúng ta có thể học được từ ông bà, cha mẹ, những người đi trước. Họ chính là bài học sống động nhất về cách sống trên đời.

– Chúng ta cũng có thể học qua thầy cô giáo, bạn bè, những người trực tiếp truyền trao cho chúng ta vốn kiến thức trong cuộc sống.

– Chúng ta cũng có thể học qua sách báo, tin dài, luật hôn nhân gia đình, những tác phẩm có giá trị về nhân cách đạo đức sống. Nói chung là rất nhiều.

Cái khó thứ hai là chúng ta không thể nào chuyển hóa được nỗi khổ niềm đau, chuyển hóa những định kiến sai lầm trong bản thân, những phiền não, những tâm niệm xấu ác đang ẩn chứa bên trong con người mỗi chúng ta. Và:

– Điều này không thể học qua trường lớp thế gian, không thể học qua ông bà, cha mẹ, thầy cô hay bạn bè được.

– Điều này chỉ có thể học qua tam tạng kinh điển của Phật giáo mà thôi.

Có thể bạn cho tôi nói quá, nhưng xin bạn đừng chê bai tam tạng giáo điển mà phải tội. Vì đạo Phật không bắt buộc, không nài nỉ van xin, mà đạo Phật là đạo của sự tỉnh thức, của sự tự giác. Giáo pháp của Phật là “Đến để mà thấy”.

Đức Phật đã từng nói: “Đệ tử chớ tin Ta

khí nào đé từ chưa hiểu Ta". Điều này một lần nữa khẳng định rõ lập trường của đạo Phật từ ngàn xưa và mãi đến ngàn sau.

Trên đây là hai điều khó cơ bản mà đại đa số con người đều mắc phải. Ngược lại với hai điều trên là "dễ". Vì sao?

– Vì, nếu chúng ta có thể xây dựng hạnh phúc gia đình dựa trên nền tảng của năm giới, (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu) đặt trọn niềm tin của mình vào ba ngôi Tam bảo, (Phật, Pháp, Tăng) sống theo tinh thần vô ngã vị tha, biết thương yêu mọi người, thường xuyên niệm danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ tát lấy đó làm chất liệu chuyển hóa khổ đau, ngăn ngừa tính xấu và phát triển hạnh lành.

Có thể bạn cho rằng những điều trên chỉ dành cho người Phật tử còn người không phải Phật tử thì không thể thực hành được. Bạn nói đúng nhưng không trúng. Bởi lẽ trên nguyên tắc chỉ có người Phật tử đã quy y Tam bảo mới thực hành năm giới. Tuy nhiên đạo Phật vẫn có thể phương tiện áp dụng cho những người vốn dĩ không phải là Phật tử. Những người này vẫn có

thể thực hành năm giới, sống theo tinh thần đạo Phật nếu họ thấy điều đó mang đến cho họ an lạc và hạnh phúc.

Trở lại câu chuyện trên, chúng ta thấy người chồng do không biết phân định đâu là đúng đâu là sai, đâu là lời nói thật đâu là lời nói đùa, không tin tưởng vào vợ mình, không kiểm chứng rõ ràng trong từng lời nói, cả tin nóng giận nên mới gây nên tác tệ như vậy.

Song nếu người chồng có thực hành chánh niệm, sống theo lời dạy của Phật thì mọi việc sẽ tốt hơn nhiều. Nghĩa là biết nhân nhĩn để quán xét sự việc, biết thực tập lắng nghe để chuyển hóa khổ đau từ đó mới có thể giải tỏa được nghi vấn trong lòng.

Cho nên: "Hạnh phúc hay đau khổ, chẳng phải do trời ban, mà do tâm ta tạo". Tâm làm chủ, tâm dẫn đầu, tâm tạo tác tất cả. Vì vậy, phải thường xuyên nuôi dưỡng "tâm" bằng thức ăn của sự tỉnh giác và chánh niệm.

Các bạn ạ! Hạnh phúc chỉ nằm trong tâm tay chứ không phải nơi nào xa lạ. Biết sống, biết nghĩ, biết làm đúng chánh pháp, đúng

*nhân quả thì tất nhiên cuộc sống sẽ bình yên,
hòa thuận.*

*Người người đều biết như vậy, nhà nhà đều
biết như vậy chắc chắn thế giới sẽ hòa bình,
hạnh phúc mãi mãi.*

*
* *



*Mắt từ soi khắp thế gian
Lòng từ trải khắp muôn ngàn núi sông*

ĐẠ XOA ĂN THỊT NGƯỜI

Quý đây trong cõi tam thiên

Niệm danh Bồ tát bình yên, an nhàn

Thuở xưa có một vương quốc giáp ranh với vùng đất do quý Dạ xoa cai trị. Để tránh thảm họa cho dân chúng nhà vua đã kết tình bang giao cùng với chúa quý.

Nhưng do tính khí hung tàn, bạo ngược quý nào chịu giữ lời hứa. Chúng cứ ngang nhiên bắt người trong làng ăn thịt.

Để cứu vãn tình hình, nhà vua lại một lần nữa cùng chúa quý thương thuyết. Nhà vua nói:

– Thưa chúa quý, dân trong nước tôi vốn

hiền lương, lo chí thú làm ăn nào ai dám xâm phạm đến chúa quý. Vậy mà chúa quý cứ mãi quấy nhiễu làm dân chúng hoang mang. Nay xin chúa quý niệm tình lân bang hai nước mà suy xét lại cho chúng tôi nhờ.

Chúa quý nghe nói phừng phừng nổi giận, nhe nanh, dậm cẳng, lớn tiếng quát:

– Ta là quý vương ở vùng này. Đất của các người vốn do ta cai quản. Nay nếu muốn yên ổn sinh sống thì mỗi ngày phải nộp cho ta một mạng người để ta làm thức ăn.

Nhà vua không còn cách nào khác, vì sức yếu thế cô nên đành câm lặng mà chấp nhận.

Thế là từ đó trở về sau mỗi gia đình phải thay phiên cống nạp một đồng tử cho chúa quý. Lệnh này do vua ban ra nên không gia đình nào tránh khỏi.

Hôm nọ, đến lượt nhà họ Mạnh. Nhà này từ xưa vốn tiếng hiền lương phúc hậu. Bao đời Mạnh gia luôn hòa thuận, trên dưới trong ngoài rất mực đàng hoàng. Lại thêm tin tưởng, phụng thờ đức Quán Thế Âm Bồ tát chí thành, chí kính.

Thế nhưng, hiếm muộn thay gia đình chỉ có một đứa con trai vừa tròn bảy tuổi. Nay vì lẽ công bằng, vì an nguy cho trăm họ nên cũng đành nuốt nước mắt mà thi hành theo ác lệ.

Hai vợ chồng buồn tủi, trách số phận hiếm hoi. Người vợ ghen ngào nói:

– Gia đình ta may mắn lắm mới sinh được một đứa con trai để nối dòng nối dõi. Thế mà nay phải nạp cho quý vương thật thiếp không đành lòng. Nghĩ đến đây người vợ ôm mặt khóc.

Người chồng thở ngắn thở dài, suy đi nghĩ lại, tiến thoái lưỡng nan. Lắc đầu ngao ngán nói:

– Trời ơi, là trời! Sao ông bất công quá vậy! Phen này gia đình tôi đành phải tuyệt tự, tuyệt tôn rồi ông thấy chưa!

Vừa dứt lời từ trên không trung sấm sét ùng ùng vang dội, mây đen giăng kín bầu trời, mưa tuôn xối xả như báo hiệu cho một ngày buồn của gia đình họ Mạnh.

Đến chiều trời vẫn còn mưa. Người chồng lúc này ruột như ai xé. Phần thương con, phần thương dân chúng. Ông suy nghĩ:

– Phen này phải bạo gan xin nhà vua điều đình với quý vương một chuyến xem sao! May ra nhờ ơn gia hộ của Bồ tát mà mọi việc êm xuôi.

Nghĩ rồi ông liền chạy một mạch đến yết kiến vua và tâu:

– Muôn tâu bệ hạ, gia đình con duy nhất có mỗi một thằng con trai để truyền đăng hượng lửa tổ tiên, nay cống nạp cho quý vương thật dạ không đành. Mong bệ hạ mở lượng hải hà suy xét giùm cho chúng con nhờ, con xin đội ơn bệ hạ.

Vua nói:

– Nhân dân ai chẳng tham sống sợ chết, trăm đầu nên vì gia đình người mà phải tội thiên vị với muôn dân. Thôi số trời bắt vậy người cũng an lòng mà chịu để trăm họ được nhờ.

Mạnh công lủi thủi trở về. Nhìn thấy đứa con hồn nhiên đang cùng với mẹ ê a trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm trên Phật điện mà lòng Mạnh công tan nát.

Mạnh công ôm con vào lòng lần cuối, rồi nát gan đứt ruột mà dặt con bỏ ngoài đồng trống lúc ban đêm.

Cảnh vật về đêm nơi thôn quê vốn đã buồn nay lại càng buồn thêm. Tiếng côn trùng rí rã kêu thương hòa với tiếng khóc than thảm thiết làm cho vùng núi âm u hoang vắng lạ thường.

Đặt con trên tay, Mạnh công hết lòng khuyên con hãy cố gắng chuyên tâm trì niệm đức Quán Thế Âm rồi Ngài sẽ cứu cho thoát nạn.

Đứa bé tuy còn nhỏ mà cậu biết nghe lời. Vui vẻ làm theo lời cha dạy. Còn Mạnh công sau khi vứt “viên ngọc minh châu” ra ngoài gò hoang xong, trở về nhà ông liền tụng kinh Phổ môn và niệm danh hiệu Bồ tát suốt đêm.

Trở lại vấn đề cậu bé. Sau khi cha đi về cậu một mình ở lại. Trong lòng vẫn chưa biết việc gì sẽ xảy ra. Cậu hồn nhiên gõ mõ niệm Quán Âm.

Lạ thay! Suốt đêm hôm đó quỷ vương không hề dám đến gần cậu bé. Nó tức tối quay về định bụng hôm sau sẽ đến giết nhà vua. Nó trầm nghĩ:

– Không biết thằng nhỏ này đọc thần chú gì mà làm ta cay mắt và nhức đầu quá!

Sáng hôm sau, Mạnh công dò tìm ra gò hoang xem tin tức. Ông vui sướng khi thấy con mình vẫn còn sống và đang nằm ngủ trên một nệm rơm ấm áp. Mạnh công liền bế con chạy đến cho nhà vua hay tin rồi kể hết sự tình.

Nhà vua từ đó mới tin Phật pháp, ra lệnh cho nhà nhà phải tụng kinh Phổ môn và niệm danh Bồ tát Quán Thế Âm. Nhờ vậy mà đất nước được yên bình thoát khỏi nạn quỷ Dạ xoa.

Lời bàn:

Đây là nói về quỷ Dạ xoa. Đó là một thứ quỷ thường di chuyển bằng cách bay trên không trung. Có thứ đi trên mặt đất, có thứ đi trên không khác nhau.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Phổ môn nói: "Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung Dạ xoa, La sát, dục lai nã nhưn, văn kỳ xưng Quán Thế Âm Bồ tát danh giả, thị chư ác quỷ, thượng bất năng dĩ ác nhân thị chi, huống phục gia hại."

Nghĩa là: nếu trong tam thiên đại thiên quốc độ, giả sử có quỷ Dạ xoa cùng quỷ La sát

ở đây đây, biến trọn thành một thế giới quý. Lực lượng của quý rất dữ tợn. Những thứ quý này một khi muốn đến phá hại, quấy rối người nếu muốn chống cự quả thật là khó. Chỉ cần nhất tâm xưng niệm danh hiệu đức Quán Âm là quý ấy trọn chẳng dùng ác nhân xem người, huống nữa là làm hại đến người ư?

Tính của quý thường ưa chỗ tối tăm, còn nơi sáng sủa thì không có quý quái gì hết. Trong tự tâm của chúng ta có ác niệm khởi lên mê mờ vọng tưởng. Lúc nào cũng đầy những mưu ma chước quỷ khiến cho tâm trí tối tăm chẳng sáng suốt. Cho nên mới chiêu cảm cảnh giới ác quỷ bên ngoài làm hại. Nếu như nhất tâm trì niệm danh hiệu chư Phật, chư Bồ tát tức thì nghiệp chướng tiêu trừ, mê tình trống rỗng, một niệm chẳng sinh tức thì trí tuệ khai mở, tự tính tự nhiên hiển lộ sáng suốt tuyệt vời. Đến lúc này không những quỷ bên ngoài chẳng dám làm hại mà ngay cả dùng "ác nhân" để nhìn cũng vẫn không thể thấy đến được.

Như vậy, chúng ta thấy: La sát, Dạ xoa chính là biểu trưng cho lòng sân giận của con người dậy khởi, rồi con người theo đó mà tạo

nghiệp ác, thọ quả báo khổ đau. Còn Quán Thế Âm Bồ tát tượng trưng cho lòng từ bi, một khi niệm từ bi khởi lên thì sân giận tiêu tan.

Quay về vấn đề niệm Phật. Cổ đức bảo: “Chớ đợi tuổi già mới niệm Phật, mồ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh”.

Chúng ta thử suy nghĩ xem. Cuộc đời con người sống được mấy mươi năm. Có người 3 năm, 10 năm, 30 năm, 60 năm, cho đến 100 năm rồi cũng phải chết. Vậy sống để làm gì? Chết rồi sẽ đi về đâu? Đây là hai câu hỏi lớn nhất của đời người.

Cổ đức cũng có dạy: “Người ngu chỉ biết lo cho đời này, người trí thì biết lo cho đời này và cả đời sau”. Thật vậy, người ngu chỉ biết đầu tắt mặt tối, bán mặt cho đất bán lưng cho trời để đổi lấy chén cơm manh áo, chạy theo danh vọng, quyền hành, sắc dục, để cung phụng cho xác thân tứ đại này được no tròn béo tốt, rồi sau khi nhắm mắt tay trắng vẫn hoàn trắng tay, luân hồi trong ác đạo.

Suy cho cùng danh vọng, quyền hành, sắc dục và tiền bạc chỉ là những con mồi bằng nhựa trong đó có móc một chiếc lưỡi câu sắc bén.

Con cá tưởng con môi bằng nhựa là con môi thật nên dớp lấy và bị lưỡi câu móc vào cổ họng. Khổ đau từ đó mà ra.

Như vậy, suốt cả cuộc đời người ngu chỉ biết có thể thôi. Còn người trí thì sao? Người trí luôn biết quán chiếu thấy rõ các pháp vốn vô ngã, cuộc đời là vô thường. Cho nên làm mà không làm, ăn mà không ăn, ngủ mà không ngủ, cho đến tu mà không tu. Họ sống một cuộc đời tự do tự tại, an nhiên tùy thuận theo hoàn cảnh, làm tất cả các việc lợi người mà không thấy mình làm. Bình thản trước muôn việc, sinh tử tự tại, đến đi vô ngại. Đời này và đời sau đều an vui, yên ổn.

Thầy Thích Minh Phát, trong quyển *Giai Thoại Nhà Thiền*, có viết:

“Ai ơi! Tiền của có ra gì?
Sao nhọc lòng ta phải nghĩ suy
Tiền thuộc năm nhà chia sẻ mãi
Lao công nhọc trí tại vì mi.
Ta đã hiểu rồi của thế gian
Nhưng sao ta mãi, mãi buộc ràng
Tiền là huyết mạch cho sự sống
Vì đó muôn đời phải trái ngang.

*Thức tỉnh người ơi! Bạc với tiền
Tiền làm kẻ khó hóa ra điên
Tiền thay tất cả đời đen trắng
Bạc ác chi mi "rửa" với tiền".*

Với câu chuyện trên chúng ta có thể thấy, một đứa trẻ nhỏ bảy tuổi vẫn có thể niệm Phật. Như vậy đủ để thấy niệm Phật, niệm Bồ tát là một phương pháp thực hành rộng rãi, thích hợp với đại đa số quần chúng. Phương pháp thực hành này không phân biệt lớn nhỏ, gái trai, sang hèn, ngu dốt hay thông minh. Hễ ai một lòng tin sâu, thực hành miên mật chắc chắn sẽ được lợi ích vô lượng vô biên.

Nhưng lạ thay! Trong cuộc sống hiện nay nếu quan sát chúng ta sẽ thấy người đến chùa niệm Phật chỉ toàn là người lớn tuổi. Có thể những người này gia duyên không còn bận rộn, đã xong nhiệm vụ với gia đình, xã hội. Họ tìm đến chùa vì nhiều hoàn cảnh khác nhau, nhìn chung đó cũng là một dấu hiệu khả quan.

Song, có nhiều cụ già vẫn than phiền rằng:

– Con không thể nào chuyên tâm niệm Phật được, mỗi lần khởi xướng câu niệm Phật là

vọng tướng liền kéo về. Thật khó mà niệm cho nhất tâm được.

Đây là tâm trạng chung cho những người đời tuổi già mới đến chùa niệm Phật. Nhìn lại mà xem, hai phần ba cuộc đời họ dành cho gia đình, xã hội, dành cho danh vọng, bạc tiền. Những thứ đó chính là cái bóng của họ, nó ăn sâu vào trong tâm thức, bén rễ đâm chồi trong từng sát na suy nghĩ. Như thế làm sao niệm Phật cho được. Thử hỏi đã có ai buông bỏ hoàn toàn những trần lao kia chưa? Hay là buông cái này rồi lại chụp cái kia? Quả thật khó!

Nói như vậy để chúng ta thấy được tầm quan trọng của phương pháp niệm Phật trong thế hệ trẻ ngày nay. Tại sao một đứa trẻ bảy tuổi niệm Bồ tát có kết quả, còn mình hai thứ tóc trên đầu mà niệm không xong? Bởi vì đứa trẻ đó thực hành phương pháp niệm Phật, niệm Bồ tát bằng cái tâm trong sáng, tâm không nhiễm ô, tâm không cầu danh vọng, tiền bạc, giàu sang. Còn chúng ta miệng thì niệm Phật nhưng mang cái tâm mong cầu, mong danh lợi, tiền bạc, giàu sang, sắc đẹp. Niệm như vậy thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ mà thôi!

Các bạn trẻ thân mến, có người nói đi chùa niệm Phật là công việc dành riêng cho những bậc cao niên, còn trẻ mà đến chùa là những kẻ thất tình, chán đời. Điều này cần phải suy nghĩ lại.

Song, chúng ta nên nghĩ thoáng hơn một chút thì sẽ thấy được ngày nay người trẻ ăn chơi sa đọa, đam mê vật chất, sống hưởng thụ, sống thực dụng, sống phi đạo đức, thậm chí sống mà cũng như chết. Tỷ lệ đó nếu thống kê thì phải khiếp! Vì sao như vậy?

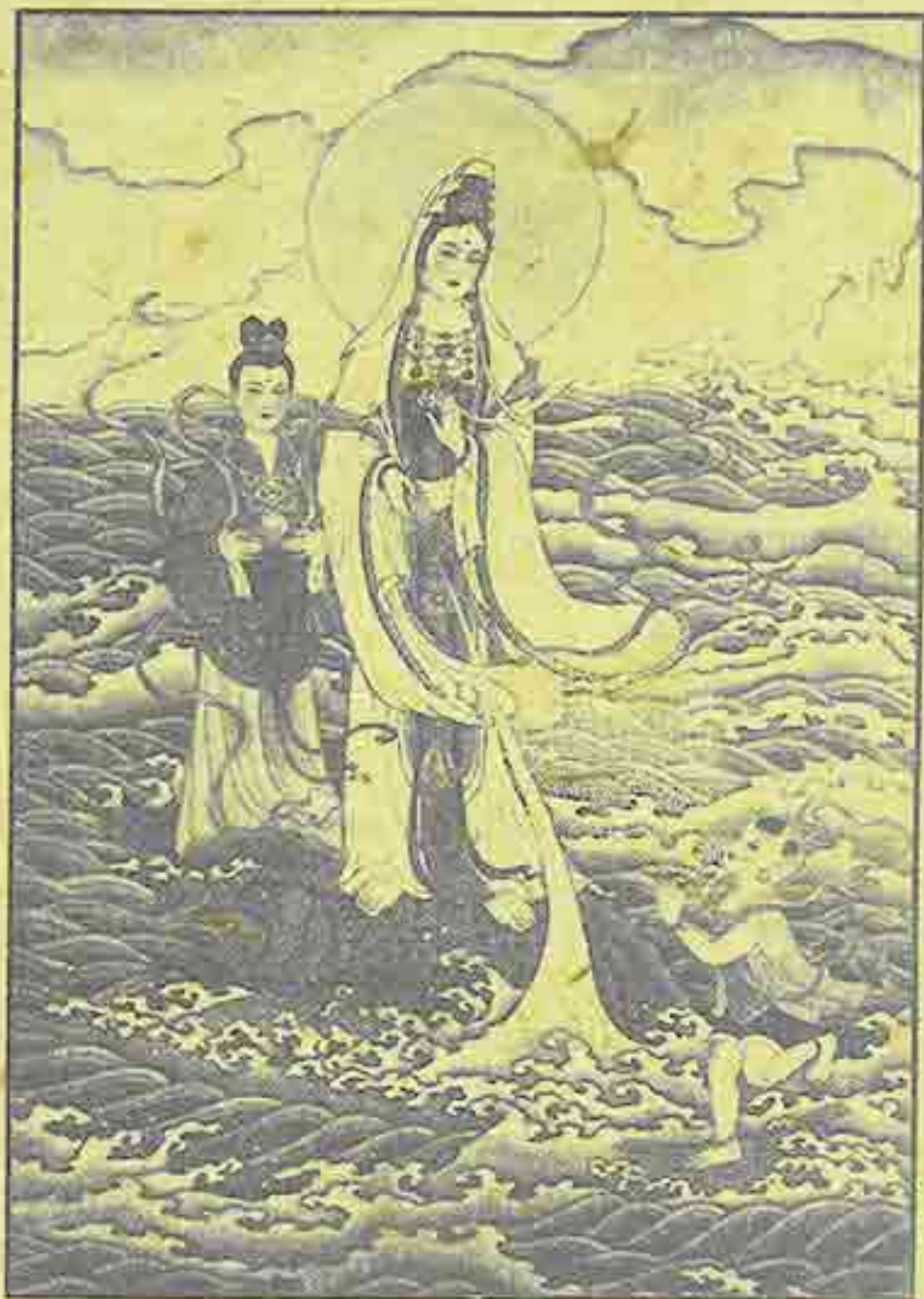
Vì nền tảng đạo đức trong họ đã mất. Quan niệm về tình người không còn nữa. Đối với họ chỉ tiền tài, sắc đẹp là trên hết. Mãi chạy theo những thứ đó cho đến khi: "Gót danh lợi bùn pha sắc xám, mặt phong trần nắng nám mùi dâu". Hoặc là: "Giác Nam Kha khéo bất bình, bưng con mắt dậy thấy mình tay không". Lúc đó mới chợt tỉnh thì: "Lỡ một bước thành sâu vạn thuở, ngoảnh đầu về việc đã trăm năm".

Nhưng các bạn ạ! Nếu một ngày nào đó các bạn cảm thấy mỏi mệt, thì các bạn hãy tìm đường quay về nơi chốn thiền môn yên tịnh, để có dịp lắng lòng nhìn lại chính mình, nhìn lại

quãng đường mà mình đã đi qua, nhìn lại những gì mình đã có và đã mất. Mái chùa tuy đơn sơ nhỏ bé nhưng có thể dung chứa vô số những mảnh đời đau thương, quằn quại trong biển trần sinh tử.

Có ai đã từng nói: “Mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của tổ tông”. Thật hay! Thật chính xác! Hãy dùng trí tuệ của tuổi trẻ mà suy nghĩ về hai câu thơ trên. Hãy bỏ đi định kiến sai lầm về những cái thấy, cái biết bằng vọng tình chấp trước. Hãy tập sống cho đúng một con người có đạo đức. Hãy hóa giải nỗi đau bằng phương pháp thực hành niệm danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ tát. Đó là chất liệu sống của tâm linh. Đó là nguồn dinh dưỡng dồi dào nuôi lớn tâm hồn bạn.

*
* *
*



*Quán Âm bình nước tịnh
Tẩy sạch dầu phong trần
Cành dương rưới cam lộ
Nuôi lớn đức từ bi*



NGƯỜI VỢ HUNG DỮ

*Phàn Giang Thành tính tình hung dữ
Lấn lướt chồng, bạo ác kiêu căng*

Ngày xưa, có một người đàn ông tên là Cao Biền, tư chất thông minh có thiên tài học giỏi, mới lên mười bốn đã đậu tú tài.

Cao Biền lấy người vợ họ Phàn, tự Giang Thành. Người vợ có nhan sắc xinh đẹp, nhưng tính tình bạo ác, bướng bỉnh, thường lấn lướt chồng.

Vậy là đời Cao Biền đành vùi chôn trong âm thầm đau khổ. Lấy phải một cô vợ hung dữ như con sư tử xứ Hà Đông. Cô ta chẳng những

không quan tâm, chăm sóc cho chồng mà trái lại còn hiếp đáp đến nỗi thân thể gầy mòn ốm như khúc củi khô.

Bà nhạc mẫu vốn người hiền lương, tín phụng đức Quán Thế Âm hết lòng. Một đời quy hướng Phật pháp. Nhân thấy con mình đối đãi với chồng nó chẳng được tử tế, nên bà lấy làm lo âu.

Rồi bà mới thiết lễ cầu nguyện đức Quán Thế Âm Bồ tát xin gia hộ. Đêm nọ, khi đang ngủ bà mộng thấy có người nói:

– Con gái của người đời trước là một con chuột lông xanh tu luyện thành tinh, sống trong một ngôi chùa lâu năm, do vị Hòa thượng chùa ấy nuôi dưỡng. Còn Cao Biền kiếp trước là tên nho sinh nghèo khó, ở nhờ trong chùa chờ ngày đi thi. Do sơ ý hấn đã làm chết con chuột kia. Nay quả báo nhân tiền, nợ đã vay tức phải trả.

Bà nhạc mẫu nghe nói, lòng vô cùng lo sợ. Bèn hỏi cách cứu giúp:

– Dạ thưa! Nghiệp duyên trắc trở như thế liệu có cách nào thay đổi không tiên nhân.

– Chỉ còn một cách niệm Phật Quán Âm và trì tụng kinh Phổ môn. Vị tiên nhân trả lời.

Tỉnh mộng bà nhạc mẫu cho Cao Biền và họ nhà thông gia hay việc mình vừa chiêm bao thấy. Sau đó toàn gia trì niệm nhưng chưa có kết quả gì. Họ mới bảo Cao Biền rằng:

– Cả nhà ta đã dốc lòng thành khẩn trì tụng kinh văn, niệm danh hiệu Phật nhưng vẫn không có kết quả. Nay con hãy cùng phát tâm, hằng thường đồng tâm trì niệm, hi vọng sẽ có cảm ứng.

Cao Biền nghe nói cũng miễn cưỡng làm theo. Sau vài ngày, bỗng nhiên có một vị lão Tăng đến ở trong một ngôi chùa làng. Lão Tăng này ngoài việc thông suốt kinh văn lại thêm am tường, tinh chuyên môn tướng thuật và minh đạt lý nhân quả nữa.

Bấy giờ dân làng tranh nhau đến hỏi những việc cát hung đủ thứ. Phàn thị vì hiếu kỳ muốn tận mắt thấy cao Tăng nên cũng tháp tùng theo mọi người.

Khi vừa thấy Phàn thị, Ngài chỉ thẳng vào mặt và đọc liền bài kệ sáu câu. Ngài lại dùng

chén nước ngậm phun lên cả mặt cô. Chính lúc ấy mọi người đều ngạc nhiên cho là “khốn rồi”, lão Tăng này chắc sẽ bị Phàn thị nó hành hung cho mà biết, vì bình nhật tính nó nóng nảy, hễ nghịch ý nó thì đừng mong an ổn.

Nhưng trái lại, Phàn thị lúc này như bị thôi miên, mặc nhiên cứ để lão Tăng làm phép; không hề tỏ chút giận giữ.

Bài kệ sáu câu của Ngài là:

“Này! Đừng nên giận, đừng nên giận nữa. Kiếp trước cũng chẳng giả. Việc nay cũng chẳng thiệt. Khốn nạn. Chuột mi cắn đầu chạy đừng cho mèo đuổi bắt”.

Phàn thị nghe xong tức thì tỉnh ngộ, từ đấy về sau cải đổi hoàn toàn tính khí cũ. Cô gắng sức ăn năn, làm nhiều việc tốt để mong chuộc lại lỗi lầm xưa. Dần dần Phàn thị trở thành một người vợ hiền lương, người dâu hiếu thảo, Cao Biền cũng thấy an tâm phần nào.

Sau sự việc đó, hai vợ chồng Cao Biền xin quy y Tam bảo với lão Tăng. Một lòng trì niệm danh hiệu Phật Quán Âm, thường bố thí, cúng dường. Bà con làng xóm ai ai cũng thầm khen ngợi

Lời bàn:

Người xưa thường nói: "Giang sơn dễ đổi bản tính khó dời". Thật vậy, núi có thể cạn, sông có thể mòn, song để thay đổi tâm tính một con người thì thật là khó, đặc biệt là những người thường hay nóng giận, tham lam và ngu si.

Ở câu chuyện trên, hình ảnh Phàn thị bạo ác, bướng bỉnh không phải là hiếm trong xã hội hiện tại. Khi biết một người trong gia đình (có thể là vợ hoặc chồng) có tính ngang tàn, hung ác, ngu si, nóng giận, tham lam. Nói chung là rất nhiều tính xấu. Ta đừng vội vàng chê trách, mắng nhiếc, khinh khi hay xa lánh họ, vì những điều đó sẽ làm cho họ tổn thương nhiều hơn.

Như vậy, khi rơi vào những trường hợp trên chúng ta phải thật sự bình tĩnh, tư duy quán chiếu, nhìn nhận xem nguyên nhân của những tính xấu đó bắt nguồn từ đâu để tìm phương pháp hóa giải.

Chẳng hạn, chúng ta biết người thân của mình thường hay nóng giận, cáu gắt. Vậy để xử lý cái giận, ta có thể dùng lời lẽ ôn hoà, tìm hoàn cảnh thích hợp, khuyên họ thực tập chánh

niệm để đưa Quán Thế Âm vào lòng, bằng cách niệm danh hiệu của Ngài.

Bồ tát Quán Thế Âm là một thứ nước cam lộ rất tươi mát, có công năng dập tắt ngọn lửa hận thù, nóng nảy trong tâm họ. Có đức Quán Thế Âm tức là có sự thương yêu, có tinh thần trách nhiệm, do đó khi niệm đức Quán Thế Âm thì tính nóng giận kia dần dần lắng dịu thay thế vào đó là lòng vị tha, hiểu biết và thương yêu.

Khi niệm Quán Thế Âm thì sẽ không nói ra những lời, những câu có tính cách chia rẽ, đổ vỡ. Bởi vì đó là những câu nói có thể gây đau khổ dài dài cho mình và cho những người chung quanh.

Trong cuốn băng Thi Ca Niệm Phật thầy chúng tôi (đại đức Thích Chân Tính) nói về tác hại của lòng sân hận:

"Sân hận như lửa dữ
Làm hư hoại dung nhan
Thieu đốt cả tâm can
Cháy tan rừng công đức.
Cái hại của bực tức
Gây khổ mình và người
Hiện đời không an lạc

Thác đọa ba đường ác”

Ngu si cũng vậy. Ngu si tức là thiếu hiểu biết. Vậy để dứt trừ ngu si, đạt được sự hiểu biết phải làm sao? Xin thưa, không gì hơn niệm danh hiệu của Ngài. Vì trong khi niệm Bồ tát Quán Thế Âm, ánh sáng của hiểu biết có dịp đi vào nội tâm, nên dần dần ta bớt ngu si.

Trong số những người niệm danh hiệu đức Bồ tát Quán Thế Âm, có rất nhiều người nghĩ rằng niệm là để tránh khỏi những tai nạn từ bên ngoài đưa đến. Họ không biết rằng hành vi của tham dục, hận thù, ngu si là những tai nạn rất lớn do chính mình tạo ra. Tham lam, sân hận, si mê chính là nguồn gốc của mọi sự khổ đau trên thế gian này. Vì thế người năng trì danh hiệu Bồ tát cốt làm sao đánh bật được tham, sân, si ra khỏi mảnh đất tâm cũng đồng nghĩa là chấm dứt sự đau khổ.

Năng lực của phương pháp trì niệm danh hiệu Phật thật không thể nghĩ bàn. Như câu chuyện trên chúng ta thấy, người chồng chỉ miễn cưỡng trì niệm cũng có thể làm thay đổi tâm tính người vợ, huống hồ ngày nay chúng ta dốc hết một lòng thiết tha trì niệm.

Năng lực của chư Phật, chư Bồ tát có thể chuyển hóa, giải tỏa được những phiền muộn, đau buồn trong chúng ta. Chúng ta biết rằng nếu có một người thương, người đó có thể là mẹ, là cha, là thầy, hoặc là bạn của ta. Mỗi khi có vấn đề khó khăn, khổ đau, ta nhớ đến người đó, gọi tên người đó ta thấy bớt khổ. Người đó chưa phải là một vị Bồ tát nhưng khi hình bóng của người đó hiện ra trong trái tim của ta, hoặc khi nghe tên người đó ta thấy bớt khổ, hướng chi đây không phải là một người thương, đây là một người mà hạnh nguyện đã đi đến chỗ cao siêu, cho nên mỗi khi chúng ta tiếp xúc được với năng lực mẫu nhiệm của Quán Thế Âm, nghe tới danh hiệu Ngài, thì phép lạ hiển hiện trong lòng ta, và tất cả những phiền muộn khổ đau của ta sẽ dần tan biến. Đây là một chuyện rất khoa học, không có gì là mê tín dị đoan.

Khi đến tu học tại đạo tràng chùa Hoằng Pháp, chúng ta sẽ cảm nhận được những giây phút an lạc, thanh thoi trong âm vang của câu niệm Phật. Nơi đó ta có thể tiếp xúc được với những người hiền lương, đức độ, cảm thấy như mình đang từng bước từng bước đi vào cõi Tịnh độ của đức Phật A Di Đà. Đó là một hình ảnh

rất dễ thương trong tâm chúng ta. Dù sau này có đi đâu, có lạc lõng tới phương trời nào, mỗi khi nghe tên của chùa Hoàng Pháp, hoặc thấy được cảnh cũ người xưa, thì tuy là ta không ở tại đó mà tâm ta cũng phần nào lắng dịu lại. Nghe tên chùa Hoàng Pháp là ta có thể hình dung được những khuôn mặt từ bi, thanh thoát, tâm ta thấy rất an lạc, vui mừng. Quán Thế Âm Bồ tát cũng vậy. Ngài là mảnh đất lành mà biết bao nhiêu con chim muồn đậu, nên mỗi khi chúng ta hình dung được Ngài, nghe được tên Ngài, thì tự nhiên những phiền não, khổ đau sẽ được tan biến. Vì vậy niệm Bồ tát Quán Thế Âm không phải là một vấn đề mê tín.

Tâm niệm Bồ tát Quán Thế Âm cũng giống như mang hình ảnh bà mẹ dịu hiền trong tâm ta, mỗi khi nhớ tới là ta cảm thấy êm dịu trong lòng. Người nào mà ta tin cậy và thương yêu, đều có ảnh hưởng như vậy trong tâm của ta cả.

*

* *



*Kỳ Lân làm vật cỡi
Như Ý làm bảo châu
Đi qua ngàn thế giới
Xóa sạch hết thương đau*

TỤNG KINH LẤY ĐƯỢC MỸ NHÂN

*Vì mê muội chẳng chịu tin chánh pháp
Quán Thế Âm phương tiện hiện nữ nhân*

Thuở xưa có một xứ, dân chúng chẳng chịu tin Phật pháp vì cho là mê tín. Bồ tát Quán Thế Âm vì muốn giáo hóa bọn chúng sinh nghiệp chướng sâu nặng kia, nên hóa hiện một nữ nhân, tay xách giỏ tre, trong đó đựng mấy con cá, đi vào thôn xóm rao bán. Người dân trong xóm thấy cô bán cá mà sao dung nhan mỹ mạo xinh đẹp lạ thường, nên ai cũng lấp lếm và tranh nhau muốn cưới. Người thì xin cưới về làm dâu, người thì xin cưới về làm vợ,

và có ông đòi cưới cho kỳ được để dắt về làm hầu. Người ta bu quanh nơi cô càng lúc càng đông, nhất là các cậu thanh niên bám theo sát gót. Cô đi đến đâu người ta đi theo đến đấy, cá thì bán không được bởi vì người ta chỉ muốn mua người mà thôi.

Thấy đã đến lúc, cô nói:

– Các ông người đông còn tôi chỉ có một mình làm sao làm vợ cho đủ?

Vậy tôi xin đưa một điều kiện, nếu ai trong các ông học thuộc lòng phẩm kinh Phổ môn nội trong ba ngày thời tôi sẽ làm vợ người đó ngay tức thì!

Liền tức tốc người trong làng đi tìm phẩm Phổ môn về đọc tụng. Sau ba ngày số người học thuộc có đến bốn năm mươi người.

Cô lại nói:

– Các ông vẫn còn số nhiều, không nói chắc các ông cũng biết, một mình tôi mà làm vợ cho nhiều người thì rất bất tiện. Vậy tôi xin một lần nữa, là ai học thuộc lòng quyển kinh Kim Cang trong năm ngày thì tôi xin chân

thành phụng sự người đó là chồng duy nhất của đời tôi.

Thế là người ta, một lần nữa phải khó khăn, vì văn tự của kinh này lặp đi lặp lại, trùng trùng điệp điệp, rắc rối chứ chưa kể đến nghĩa lý thậm thâm vi diệu. Thế nhưng, ái nghiệp của chúng sinh mạnh lắm, mãn hạn năm ngày có được mười người thuộc.

Thấy vậy cô lại lên tiếng:

– Thưa các người, pháp luật hiện hành và luân lý cổ truyền của xứ ta, chính ngày hôm nay vẫn chưa cho phép một vợ mà mười chồng. Xin quý ngài một lần chót này nữa là nếu ai đọc thuộc lòng trọn bộ kinh Pháp Hoa trong thời hạn bảy ngày chẵn, tiện thiếp xin đem danh dự của kẻ hàng tôm hàng cá ra mà bảo đảm giữ đúng như lời đã hứa.

Lần này người ta gặp phải cái khó đặc biệt là tìm chỗ đủ bảy quyển kinh rồi ngồi xếp bằng mà lật từng trang, từ đầu chí cuối cũng phải mất bao ngày, huống nữa là đọc tụng. Một tuần lễ trôi qua, vẫn có một người học thuộc, đạt được mục đích, vẻ vang nhất đời, đó là

chàng thiếu niên họ Mã.

Chàng thông minh, lịch sự tiền nhiều và sang trọng. Dĩ nhiên cô bán cá phải nhớ lời hứa. Sau một đêm hoa đăng rực rỡ, yến tiệc linh đình, đến giờ động phòng tân nường bỗng nhiên phát một cơn đau bụng dữ dội và qua đời!

Ôi thôi! Mã thiếu niên, tội cho chàng biết bao!

Chết, chết đời ai tránh khỏi cái chết. Mà chết như thế này là nghĩa làm sao? Đời ai chẳng nên đáng sống. Mà sống như thế này để làm gì?

Mã thiếu niên đã dùng hết tâm trí ba khoa ứng thí mà phần thưởng xứng đáng nhất đó là một mỹ nữ tuyệt thế. Đó là hạnh phúc chứ gì? Nhưng hạnh phúc đã chớp cánh bay bổng rồi. Bay đi mà không ngày đậu lại, cách biệt vĩnh viễn.

Giờ này tại đây chỉ còn một giả danh hạnh phúc và một thầy chết nằm cứng đờ như những thầy chết khác không hơn không kém.

Sau khi tống táng xong, chàng ta tự hận là mình bạc phước. Để tránh bạc phước ấy chàng thề trọn đời chẳng thêm cưới vợ nữa. Rồi chàng

tự nhiên trở thành một lễ thất tình, dẫn thân đây đó như kẻ si cuồng.

Một hôm bất giác chàng đi tình cờ gặp một vị lão Tăng mặc áo tím, nhận thấy nơi anh ta có bộ dạng âu sầu khổ não nên ngài mới gạn hỏi:

– Có việc gì mà cậu lại âu sầu khổ não vậy? Có thể nói cho ta nghe được không?

Nghe hỏi, Mã quân bèn ngược lên nhìn, rồi chàng đem hết đầu đuôi câu chuyện kể cho lão Tăng nghe. Nghe xong ngài bảo:

– Người nữ nhân ấy chính là Quán Thế Âm Bồ tát hóa thân, vì Bồ tát thấy các người chẳng tin Phật pháp nên mới thị hiện nữ nhân để giáo hóa đấy thôi. Ngài tiếp:

– Trong kinh Phật dạy: trước lấy tình-ái câu dặt nó, sau mới khiến vào Phật trí vậy.

Mã quân trở về nhà thuật lại chuyện mình vừa gặp lão Tăng cho mọi người cùng nghe. Nhưng họ chưa tin nên quật mồ khai nắp quan tài thì trong đó không có gì cả. Do đó dân chúng mới tin và Phật pháp từ đó mới được thịnh hành.

Sau vụ này, Mã quân cho rằng mình làm người thế tục cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa nên xuất gia làm Tăng rồi vào tu đạo trong một hang núi. Về sau người ta đặt tên hang này là Mã lang động, tức là hang động chàng họ Mã. Động ấy đến nay vẫn còn.

Lời bàn:

Câu chuyện là lời cảnh tỉnh cho những ai còn đang ở trong vòng hạnh phúc giả tạm. Hạnh phúc thực sự có khi mà con người nhận rõ được nguồn gốc của nó. Chính vì không tìm ra đâu là chân hạnh phúc nên chúng ta mới chịu bao phen trầm luân sinh tử.

Quán Thế Âm Bồ tát vì muốn cứu vớt những kẻ ngu si đó nên mới hóa hiện nhiều thân, bày nhiều phương tiện để dẫn dắt, giáo hóa cho họ quay về với tự tính Quán Thế Âm thường hằng, hiện hữu sẵn có trong họ.

Các Ngài biết nghiệp lực của chúng sinh nặng về sắc dục: “Ái bất trọng bất sinh Ta bà”. Nên trước tiên Ngài phải thuận theo tâm ý chúng sinh, rồi dần dần đưa họ vào Phật đạo.

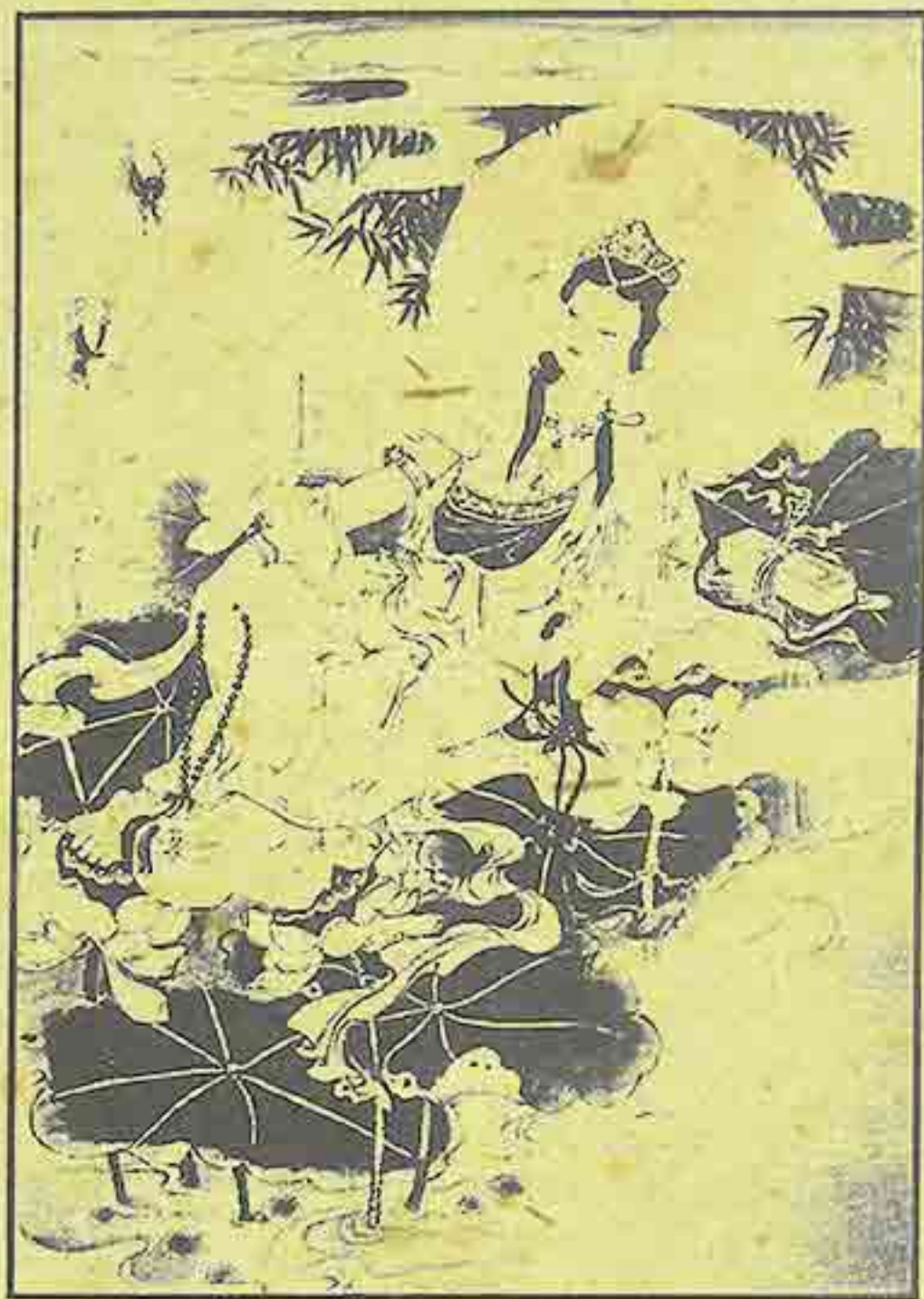
Nghĩ đến đây chúng ta mới cảm nhận được lòng từ bi của các Ngài thật vô lượng vô biên, vì chúng ta mà chịu biết bao gian khổ. Còn chúng ta thì lại nhởn nhơ chạy theo bóng sắc ảo huyền mà quên mất đường về.

Thật đáng hổ thẹn thay!

*

*

*



*Nam mô Quán tự Tại
Thế ngồi rất khoan thai
Vững lòng trong sóng dữ
Hiển hiện đức từ bi*

NGƯỜI BUÔN GẠO XỨ THƯỢNG NGU

*Người buôn gạo nhất tâm trì niệm
Quán thế Âm ứng mộng cứu nạn tai*

Từ trước có người buôn gạo xứ Thượng Ngu, tỉnh Chiết Giang. Trong nhà phụng thờ đức Quán Thế Âm Bồ tát rất thành kính. Nhà chỉ có hai vợ chồng mà thôi. Một hôm chủ nhà nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ tát đến dạy rằng:

- Người sắp bị đại nạn, nên Ta đến đây để cứu người.

Sau đó Ngài liền nói bài kệ bốn câu và dặn dò người chủ nhà phải cần nhớ cho đầy đủ,

rõ ràng chắc chắn từng chữ, từng câu một. Bài kê như sau:

*“Gặp cầu dừng đậu ghe
Gặp dàu lấy xoa đầu
Đấu lúa ba thưng gạo
Lăng xanh bu đầu bút.”*

Nguyên văn:

*“Phùng kiều mạc đình châu
Ngộ du tức mạc đầu
Đấu cốc tam thưng mễ
Thương thằng bổng bút đầu.”*

Sau khi tỉnh giấc mộng, ông ta nhớ được rất rõ ràng và đầy đủ bốn câu cộng lại tất cả hai mươi chữ và cho là quái lạ! Bởi thế nên nhớ chắc chắn chẳng quên tí nào.

Qua ngày sau nhân ông mượn ghe đi chở lúa gạo. Ghe đi giữa đường chẳng may gặp phải gió mưa dữ dội. Người bạn ghe có ý muốn đậu ghe dưới mạn cầu để tránh gió mưa. Người chủ ghe liền sức nhớ lại sự việc trong mộng, nhớ câu: “Gặp cầu dừng đậu ghe”. Ông liền thúc người bạn nên lướt nhanh ghe đi tới dừng nên

đậu. Lúc ghe qua khỏi cầu thì cầu liền sập ngay, đè sát mặt nước. Hú vía thoát chết một lần!

Nhân đây ông ta cảm nghiệm được sự linh ứng của Bồ tát Quán Thế Âm. Và từ đây trở đi càng tụng niệm lễ bái nhiều hơn.

Lại một đêm, đang lúc ông quỳ tụng kinh chưa đứng dậy, bỗng nhiên chiếc đèn huyền đăng treo trước bàn Phật từ trên rớt xuống, dầu trong đèn đổ ra lai láng.

Do câu đầu của bài kệ có ứng nghiệm, mà giờ đây lại gặp dầu đổ, mà câu thứ hai trong bài kệ lại nói chuyện dầu, cho nên ông liền tay hốt dầu dưới đất mà thoa lên đầu. Xong ông bái Phật, thân nhiên đứng dậy đi ngủ.

Ngủ đến nửa đêm ông thức giấc chợt nghe có mùi máu tanh, ông liền lấy đèn soi thử thì thấy người vợ bị đứt cổ họng chết ngay. Chẳng biết ai giết!

Ông ta tức tốc chạy băng băng đi báo cho nhạc gia biết liền lúc đó. Khi ông bà nhạc gia đến gạn hỏi cố sự thì ông rề không trả lời được là ai đã giết vợ mình. Cuối cùng nhạc gia

sinh tâm nghi ngờ. Bà nhạc mẫu ghé vào tai ông nhạc phụ thì thầm bảo:

– Từ xưa tới nay thằng rể mình rất tin Phật pháp, còn con gái chúng ta thì không. Vì bất đồng về tín ngưỡng nên chúng nó thường hay xích mích lẫn nhau. Chính vì thế mà cố sự mới tác tệ như vậy. Ngày hôm nay thằng chồng nhẫn tâm giết chết vợ. Thật nhẫn tâm quá mà!

Nói đến đây bà lăn đùng ra khóc thảm thiết, khiến ai thấy cũng động lòng. Chỉ tội cho ông rể hiền lành này, chẳng biết tìm cách nào mà minh oan cho mình được.

Thảm trạng vợ chồng mưu sát lẫn nhau đã có từ xưa. Nhưng trong trường hợp hiện nay không thể nào xảy ra được trong căn nhà hiền lương này. Vậy thì cái án mạng bị giết nằm đó là do ai? Cuối cùng vẫn chỉ là lý do bất đồng tín ngưỡng. Cho nên nhạc gia tố đơn lên huyện quan để nhờ xét xử.

Hai tên lính huyện từ cửa huyện xuất phát với bộ dạng hăm hở vúc vác. Một tên nắm chiếc hỏa bài có đề hai chữ “hỏa tốc”, một tên còn lại cầm chiếc roi, cả hai mặt mày hăm hăm

thẳng tiến đến nhà người buôn gạo và dựng tấm hỏa bài ngang tại cửa giữa trong nhà.

Một trong hai tên chỉ vào tấm hỏa bài và bảo:

– Đây, anh coi đây rồi biết! Lệnh của quan lớn huyện nhà; anh là người hiểu biết phải tuân hành tức tốc, đừng để mất thì giờ chúng tôi, về bị quở!

Lúc này ông buôn gạo đã chuẩn bị xong hành lý, ông đến trước bàn Phật thắp ba cây hương tranh thủ lạy lạy lấy lạy để ba lạy và vái lia lia mấy cái. Sau đó ba người liền bước ra khỏi nhà.

Phía trước là tấm hỏa bài, giữa là đương sự, sau là chiếc roi vừa đi vừa vúc vác. Và họ lên giọng hơi hám của kẻ uy quyền:

– Tại sao anh lại đi giết vợ anh? Ác chi mà ác quá vậy? Nghĩa vợ chồng, nó có làm điều gì sai quấy thì ta làm hùm làm hổ cho nó nằm đá ba cú để nó biết sợ mà thôi chứ ai đời nhẫn tâm chém chết vợ?

– Anh không học câu Thánh hiền đã dạy sao? “Tào khang chi thể bất khả hại đồ” vậy mà anh chém con người ta chết, thật anh là

thằng quá ác, có phải không? Chuyến này quan lớn sẽ phạt tội ở tù một gông cho tới chết mới đáng kiếp! Lính huyện tiếp.

Cứ thế hai tên lính thay phiên nhau mà mắng rủa, nhất là họ cứ đọc đi đọc lại câu nói của Thánh hiền. Riêng ông buôn gạo vẫn giả câm giả điếc lặng thinh mà đi, trong tâm luôn luôn nhất tâm niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ tát để cầu cứu mà thôi.

Chẳng mấy chốc đã đến cửa nha. Hai lính dẫn đương sự nạp lên quan. Quan lớn bắt đầu làm việc. Đương sự đứng thẳng lưng dưới bậc thêm, quan huyện ngồi trên, hai bên có lục sự, thẩm phán, ấn son, bút giấy đầy đủ cho một phiên tòa đại hình.

Sau một hồi lâu thẩm vấn lấy khẩu cung của đương sự đã xong. Quan lớn mới xả hơi bằng một xe thuốc bình và chén trà thượng hạng, rồi ngài ngắm kỹ trên gương mặt đương sự thẩm xét:

- Tướng trạng thằng này chẳng giống những đứa sát nhân mà mình đã từng gặp. Vả lại căn cứ theo lời khai của nó thì của cải trong

nhà đêm đó chẳng mất mát chút nào. Và cũng không xảy ra việc trộm cướp gì hết. Cửa ngõ trong nhà vẫn kín đáo y nguyên, vách không bị đục thủng, tất cả không có dấu vết gì khả nghi. Vậy thì chắc chắn một điều hung thủ không phải là những tên trộm cướp.

Nhưng quan còn ngờ nên hỏi thêm:

– Bình thường gia đình mày có gây gỗ, xích mích với bà con láng giềng không? Có hòa vui tốt lành không?

Đương sự bẩm:

– Cả gia đình con, từ xưa đến nay đối với bà con láng giềng luôn luôn hòa thuận, không có điều gì đáng tiếc cả. Cúi mong quan lớn thương tình suy xét cho!

Sau hai lần thẩm vấn và nhận xét thời sự trạng đã rõ ràng nên đến lúc tòa tuyên án:

– Căn cứ theo hai lần thẩm vấn của tòa.

– Căn cứ theo lời cung khai của đương sự, thì việc đã rõ ràng như sau:

– Hung thủ đã chẳng phải kẻ trộm cướp, chẳng phải kẻ oán thù. Hơn nữa sự việc xảy ra

vào lúc quá nửa đêm, cửa lớn cửa nhỏ trong nhà vẫn đóng chặt y nguyên. Trong nhà chỉ có hai người là mày và vợ mày. Mà vợ mày bị đứt họng chết, chẳng phải mày chém nó thì là ai? Đó là những nguyên nhân tạo thành án.

Tòa tiếp:

– Cứ sự trạng như trên, chiếu theo luật tòa tuyên án:

– Người quả là phạm tội cố sát – sát nhân. Mạng phải đền mạng. Bản án này làm tại chỗ, nhân chứng có thẩm phán và lục sự ngồi hai bên chứng kiến.

Quan chánh án cầm bút sắp phê xuống bản án, bỗng nhiên một bầy lăng xanh từ đâu bay tới bu vào đầu bút. Quan chánh án ngạc nhiên cho là quái lạ.

Lúc đó ông buồn gạo nhìn thấy lăng xanh bay đến rõ ràng, hiệp với câu kệ thứ tư mà mình đã mộng thấy Bồ tát nói khi trước. Nhân đấy ông liền tự thốt lên rằng:

– Lạ thay! Quái lạ thay! Thương thằng bồng bút đầu! Thật là ứng nghiệm!

Quan chánh án càng ngạc nhiên hơn, tay thì xua đuổi những con lằng mà nó cứ vẫn bu vào nơi đầu bút, miệng thời hỏi tên buôn gạo:

– Mày có điên hay không mà đứng nói nhảm hả? Hai mắt ông ngó tròn trọc vào tên buôn gạo.

Thấy vậy người buôn gạo mới thuật lại giấc mộng mà mình đã mơ cùng với sự ứng nghiệm của bài kệ trên cho quan chánh án cùng cả phiên tòa nghe.

Quan nghe xong mà định rằng:

– Ta định phê năm ba chữ và mày ký vào bản án cho xong đăng mày còn về. Mà giờ đây sự việc lại chuyển qua chiều hướng khác, e ta phải nghiên cứu mấy câu kệ tụng quái lạ kia đã. Rắc rối thật! Quan huyện nói.

Rồi quan cho triệu tập tất cả thầy nha lại đến để làm cái việc có một không hai này. Khi thầy trò xúm lại xong, quan bảo người buôn gạo hãy đọc to bốn câu kệ rồi viết vào tờ giấy rõ ràng từng nét, từng chữ một cho chính xác, rồi quan nghiên cứu.

Câu thứ nhất, thứ hai và câu thứ tư đã rõ ràng sự việc. Chỉ còn câu thứ ba: “đấu cốc tam thăng mễ” là hơi khó hiểu. Vậy “đấu cốc tam thăng mễ” nghĩa là ý gì? Thầy trò nhà quan huyện nghiên ngẫm mãi mãi thì giờ rất nhiều mới hiểu được rằng:

– À các thầy ạ! Phải thêm một chữ nữa ở đầu câu mới cất nghĩa được. Quan huyện nói.

Như thế là câu kệ thứ ba được sửa thành: “Nhất đấu cốc tam thăng mễ”. Nghĩa là: “Một đấu lúa ba thăng gạo”.

Nghĩa ẩn của câu kệ này là: một đấu là mười thăng, trừ ba còn bảy tức là được ba thăng gạo và bảy thăng trấu. Bảy trấu là chữ Thất và chữ Khang. Thất là bảy còn Khang là trấu.

Suy đi tính lại quan huyện và các thầy nha quả quyết rằng:

– Hung phạm nếu chẳng phải tên Khang Thất thì là tên Thất Khang vậy. Thế là huyện quan cho người đi dò thám, một mặt cho người điều tra sổ bộ. Quả thật có người tên Khang Thất. Thế là tên này bị tổng giam. Khi thẩm vấn quan hỏi:

– Người có biết gia đình tên buôn gạo này không?

– Dạ, bẩm quan con biết. Tên Khang Thất khai.

Quan lại hỏi:

– Người có biết người chết kia không?

– Nhìn vào xác chết tên Khang Thất mặt mày tái mét, không còn chút thần sắc. Trần tỉnh hồi lâu hẳn mới thành thật thưa:

– Thưa quan lớn, tôi vốn có gian díu với bà bán gạo từ trước. Đêm đó tôi lẻn vào nhà tình nhân nấp, chờ đến khuya sẽ ra tay giết ông bán gạo. Trong lúc tối tăm, tôi tìm thấy cái đầu có dầu tưởng là đầu đàn bà (đàn bà ngày xưa thường hay xúc dầu dừa) liền bỏ đi chỗ khác tìm giết cái đầu không có dầu. Không ngờ đã giết lầm.

Vậy là oan tình được sáng tỏ, kẻ giết người thì bị tòa tuyên án. Người buôn gạo nhờ có bài kệ trên mà được phóng thích, giải oan.

Quan huyện và cả nha lại nhân vụ này mới biết thêm sự cảm ứng, linh diệu của Bồ tát

Quán Thế Âm và càng tin Phật pháp hơn nữa. Ông buôn gạo nhân tai nạn này, thấu hiểu được nỗi thống khổ của kiếp nhân sinh, phát tâm đồng mãnh xuất gia học Phật tìm con đường giác ngộ giải thoát.

Lời bàn:

Như vậy, từ câu chuyện này chúng ta thấy người buôn gạo sở dĩ được cứu thoát là nhờ vào công năng tinh cần lễ bái và nhất niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát không gián đoạn, cho nên khi gặp tai nạn Bồ tát luôn luôn hiện thân cứu giúp. Vì sao? Vì Bồ tát là Bồ tát trong tâm chúng sinh, chúng sinh là chúng sinh trong tâm của Bồ tát. Bồ tát và chúng sinh là một.

Thế nhưng, tại sao chúng ta lại không được như Bồ tát? Vì chúng ta còn tham đắm trong ngũ dục (tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ngủ nghỉ, ăn uống), bị trần lao chi phối, trí tuệ lu mờ thì làm sao được như các Ngài. Cho nên, hằng ngày chúng ta phải thường niệm danh hiệu Phật, Bồ tát. Vì chỉ có trì niệm danh hiệu các Ngài chúng ta mới có được những năng lực bất khả tư nghì giống các Ngài.

Như vậy phải niệm như thế nào mới có hiệu quả? Nghĩa là mỗi niệm sáu căn đều thu nhiếp (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) nhất tâm yên lặng, tâm niệm khẩu (miệng) xưng; miệng xưng cho rõ ràng, tai nghe cho chính xác thông suốt, ý nghĩ nhớ từng chữ, từng câu cho rành rẽ phân minh. Được như vậy tức là tâm khẩu tương ưng. Đây là bí quyết cần thiết cho những người trì danh hiệu Phật, Bồ tát.

Trái lại thời tâm ý của chúng ta nó như con vượn con ngựa: "tâm viên ý mã" chuyên chạy lung tung cho nên khó mà đến được chỗ lợi ích.





*Cam lồ một giọt rưới lên
Xuân về tỏa khắp mọi miền núi sông*

TRÚC TRƯỜNG THƯ VÀ VƯƠNG VIÊN NGOẠI

Nhất tâm chiêm bái Phổ Đà

Lửa thiêu mặc kệ, cửa nhà chẳng ham

Ngày trước, có Vương viên ngoại, người xứ Côn Sơn. Ông một lòng muốn đi đến núi Phổ Đà ở Nam Hải chiêm bái Thánh tích và đánh lễ đức Quán Thế Âm Bồ tát. Trước khi đi ông thọ chay trường ba năm. Mãn kỳ nguyện ông mới khởi hành. Thuyền vừa sắp mở neo, bỗng nhiên trong làng có nhà phát hỏa. Mọi người la to báo động:

- Cháy! Cháy! Cháy! Mau chữa lửa!
Mau, mau!

Người trong nhà chạy theo báo cho ông hay:

– Thưa ông, làng bị cháy! Nhà ta cũng không tránh khỏi, ông mau về lo chữa cháy!

Ông bèn bảo:

– Thôi, người hãy về đi! Ta một lòng muốn đến Phổ Đà sơn để đánh lễ đức Quán Thế Âm Bồ tát, nay thuyền đã nhổ neo ta không muốn quay lại. Còn nhà cửa nếu có cháy thì thôi, Ta không cần nữa! Nói rồi ông quay lưng, thăm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, chèo thuyền lướt gió thẳng tiến miền Nam Hải.

Sau khi đi hành hương xong ông trở về. Nhìn thấy làng cũ hoang tàn vì hỏa hoạn, duy mỗi nhà ông là còn nguyên vẹn. Ông đến giúp đỡ mọi người xây dựng lại nhà mới, và buôn bán làm ăn.

Riêng mọi người không hiểu tại sao nhà ông vẫn còn nguyên vẹn trong khi cơn hỏa hoạn đã thiêu rụi ngôi làng. Ông ôn tồn nói rõ cho mọi người nghe về sự linh ứng của việc trì danh hiệu Bồ tát. Kể từ đó mọi người trong làng ai cũng một lòng trì niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm Bồ tát.

Lại cũng có một người tên là Trúc Trường Thư. Ngày nọ, nhà lán giếng đột nhiên bị cháy. Nhà ông ở dưới gió, rất là nguy hiểm không còn biết cách nào để cứu vãn gia tài. Ông liền nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm. Vài giờ sau, cơn hỏa hoạn lắng dịu, ông quan sát thấy bốn phía nhà hàng xóm tiêu tan chỉ có nhà ông là thoát nạn. Mọi người chơ đó là chuyện lạ lùng!

Đêm ấy có vài đứa côn đồ, thấy nhà ông còn nguyên nên sinh lòng ghen tức nổi lửa đốt nhà ông nhưng vẫn không hề hấn gì.

Lời bàn:

Qua hai câu chuyện trên cho thấy, một lòng chân thật niệm Quán Thế Âm, liền có cảm ứng.

Trong đạo Phật có câu: "Cảm ứng đạo giao nan tư nghì". Quả đúng như vậy. Khi nhất tâm niệm Phật, thân, khẩu, ý thanh tịnh hoàn toàn, tương ứng mười phương chư Phật, chư đại Bồ tát. Tâm của chúng ta và tâm của các Ngài cùng là một thì đương nhiên sẽ có sự giao thoa, tương tác, cảm ứng bất khả tư nghì!

Cũng giống như chiếc máy radio, khi muốn mở đài Bình Dương hay đài Thành Phố Hồ Chí Minh, chúng ta cũng phải rà cho đúng tần số, nếu không đúng tần số thì không tài nào có thể nghe đài được. Niệm Phật, Bồ tát cũng vậy.

Niệm cho đến khi nào đoạn trừ được ngọn lửa vô minh đang bùng cháy trong mỗi con người chúng ta, thì khi ấy công phu tu niệm của chúng ta mới có kết quả.

Lửa vô minh là lửa sân, lửa si, lửa tham. Những thứ lửa ấy đốt cháy chúng ta từng phút, từng giây, từng sát na một. Cổ đức nói: "Nhất sân chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi lâm". Có nghĩa là khi nào trong tâm của chúng ta nổi lên một ngọn lửa sân hận, thì nó sẽ đốt sạch hết tất cả những công đức mà bấy lâu chúng ta tạo dựng.

Cho nên trong mỗi thời khắc chúng ta cần nên chuyên tâm trì niệm. Kết quả của quá trình trì niệm thật khó mà nói hết. Chỉ có người uống nước mới biết được nước nóng hay lạnh mà thôi.

*

* *



*Không dẫu cầu nguyện mà không ứng
Biển khổ thuyền dong cứu độ người*

CHẶNG TIN BỊ HẠI

*Hắc phong thổi thuyền trôi nước quý
Niệm Quán Âm, La sát chẳng hại thân*

Thuở xưa, có một khách thương đi lấy ngọc. Ông ta cùng năm trăm người khác đi vào biển tìm châu báu, ngọc ngà. Ra giữa biển bỗng gặp cơn Hắc phong dữ dội, thổi dạt thuyền vào địa phận nước quý La sát. Trong số đó có một người lớn tiếng xưng niệm danh hiệu “Quán Thế Âm Bồ tát” và kêu gọi tất cả thuyền viên cùng niệm:

– Anh em ơi! Chúng ta đang trôi vào hải phận của quý La sát, anh em chớ hoảng loạn, hãy một lòng xưng niệm danh hiệu: “Quán Thế Âm

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

Bồ tát” tức thời Ngài sẽ vì chúng ta mà cứu giúp!

Lúc ấy mọi người đều làm theo cùng nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ tát. Lại thay! Khi ấy quý La sát chẳng thấy một người nào cả. Nhưng tội nghiệp trong số năm trăm người đó lại có một người chẳng tin đức Quán Thế Âm có thể cứu khổ cứu nạn, đã vậy mà lại còn dùng lời phỉ báng nói rằng:

– Đương lúc hoảng loạn thế này, không lo tìm cách thoát thân mà ở đó niệm cái quái quỷ gì!

Vừa dứt lời thì người này liền bị quý La sát bắt đi mất.

Nhân vụ này, nên cần phải cấp thiết niệm danh hiệu Quán Âm mới đồng thoát nạn. Sở dĩ đó, cho nên mỗi khi gặp nạn, điều trước tiên là không được tán tâm loạn động, tạp niệm lăng xăng, nghĩa là chẳng nên nghĩ bậy nói bạ.

Chẳng tin chắc chắn tai hại sẽ đến nơi thân.

Lời bàn:

Thật vậy, người đời thường chẳng tin vào sự gia hộ của Tam bảo lực. Ngay cả lúc lâm nguy.

Điều đó cho thấy rằng, chúng sinh phần lớn chỉ biết sống "thực dụng" mà chẳng hề biết nghĩ đến sự mâu nhiệm của câu niệm Phật, niệm Bồ tát. Đã thế lại còn phỉ báng, càn bướng chẳng kính tin nên mới bị Hắc phong và quỷ La sát bắt đi.

La sát quỷ thường ở những hòn đảo bìa biển, nó chuyên bắt những người ở bìa biển để ăn thịt.

Thứ quỷ này miệng đỏ như châu máu, mắt như cái đồng linh, tay như cái chĩa ba bằng sắt, mắt xanh, răng nhọn, rất đáng kinh sợ. Quỷ này mỗi khi đi khoái trá lăm, lại có quỷ tên là Tốc Tật đi rất nhanh.

Những người đi biển khi gặp gió hắc phong thổi tới, dạt thuyền vào trong nước quỷ thời tính mạng khó bảo toàn.

Gió hắc phong chính là cái tâm đen tối, u ám, xao động của chúng ta khi đối trước trần cảnh. Một khi tâm duyên theo trần cảnh thì bị trần cảnh trói buộc, nên sinh tử, khổ đau cũng từ đó mà ra.

Vậy muốn thoát nạn hắc phong và quỷ La sát thời thời nên nhất tâm niệm danh hiệu chư

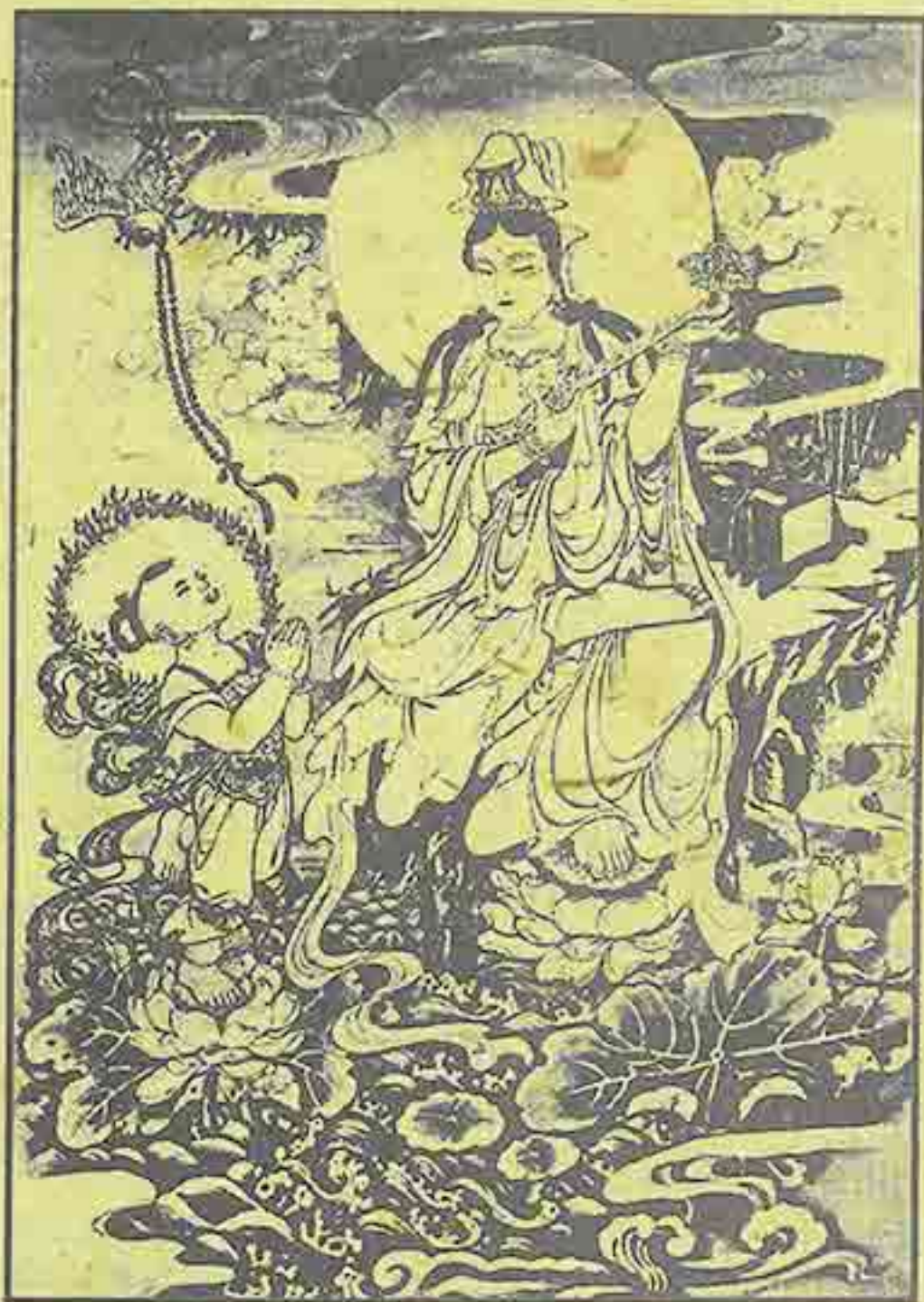
Phật, chư Bồ tát. Nếu một người niệm, vô hình trung những người kia cũng được lợi ích. Tại sao vậy?

Vì trong tâm của mỗi người lúc nào cũng có Quán Thế Âm Bồ tát tức trực. Nên một người xưng niệm tức là làm dậy lên trong tâm của những người đó đức tính Quán Thế Âm. Đức tính này thường hằng bất biến, bao trùm cả pháp giới chúng sinh, đầy đủ công năng diệu dụng, chẳng đến chẳng đi, "ở Thánh không tăng mà ở phàm cũng không giảm". Đó chính là Như Lai tạng tính. Sở dĩ nói vô hình trung đều được lợi ích thoát nạn là vì lẽ trên.

Cho nên chúng ta khi cùng đi trên xe lửa, xe buýt, ghe thuyền, chẳng nên sợ khó vì tính "tự ái" của riêng mình, mà hãy nên một lòng chí thành trì niệm danh hiệu Bồ tát, khiến những người đồng hành đều trông được giống căn lành, rồi không chóng thì chày có thể thoát khỏi đại nạn, được lợi ích vô cùng.

*

* * *



*Thiện Tài Đồng Tử nâng gót ngọc
Một lòng chiêm ngưỡng đức Từ tôn*

MƯỜN ÁN OAN ĐỂ ĐỘ THỪA TƯỚNG

*Bất Hòa thượng hỏi tường tận kẻ
Nghĩa lý máu tàng ẩn của chân kinh*

Ngày xưa, có một vị Hòa thượng thường xuyên trì tụng kinh Phổ môn. Hôm nọ, có quan Thừa tướng đến chùa lễ Phật. Lễ xong đứng tránh sang một bên nghe kinh.

Khi nghe Hòa thượng tụng đến câu: “Giả sử Hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đọa La sát quý quốc”. Thừa tướng chặn ngang hỏi:

– Câu này giải quyết cách nào? Vì sao trôi vào trong nước quý?

Hòa thượng phát nộ nói:

– Chính khi ta đang tụng kinh tâm định, sao người lại xen vào hỏi, làm cho tâm ta loạn động!

Lão Thừa tướng, mặt đỏ tía tai, cau mày giận giữ. Quát:

– Ta hỏi đàng hoàng sao lão Hòa thượng lại mắng ta. Lão chán sống rồi đấy! Bậy đâu mau trói tên Hòa thượng này đem về phủ!

Về đến phủ, quan Thừa tướng mắng nhiếc Hòa thượng đủ điều, cho bọn lính thẳng tay đánh đập để hả cơn tức giận:

– Bậy đâu, tên Hòa thượng già này láo, đánh lão ba mươi hèo cho ta!

Đang lúc bị đánh đòn Hòa thượng bỗng cười to mà nói rằng:

– Chính đây là bị Hắc phong thổi, ghe thuyền trôi vào trong cõi nước quỷ La sát chớ gì? Nghĩa của hai câu hỏi đó là ở đây, ngay tại lúc này chớ có đâu xa!

– Chỉ vì không hiểu nổi ý tàng ẩn bên trong cửa chân kinh, Thừa tướng mới động vô minh hỏa tức là Hắc phong. Thừa tướng động

tâm sát hại tức là La sát quý. Và chẳng may cho lão Tăng này gặp phải gió giữ đen tối ấy nó thổi quá mạnh, nên lão mới bị trôi bạt vào trong nước quý La sát đây!? Ta giải nghĩa như vậy Thừa tướng thấy có dễ hiểu không? Hòa thượng nói tiếp.

Khi ấy Thừa tướng tỉnh ngộ ngay. Lập tức hạ giọng xin lỗi:

– Bạch Hòa thượng từ bi tha thứ, lão quan thật có mắt như mù, có tai như điếc. Chẳng thấy Thái Sơn cao tốt, chẳng nghe được mật nghĩa của chân kinh nên mới phạm lỗi lầm to lớn thế này. Lão xin thành tâm sám hối với Đại Tăng.

Hòa thượng ôn tồn đáp:

– Không sao cả! Âu cũng là nghiệp duyên oan trái từ nhiều kiếp của bản Tăng. Nhân đây mà Thừa tướng giác ngộ thật là trong rủi có may! Lành thay! Lành thay!

Thừa tướng nghe vậy cảm kích vô cùng, bèn cho gia đình lấy kiệu đưa Hòa thượng về chùa.

Từ đó ngày đêm ông thường tụng Phổ Môn kinh, hết lòng phụng sự Tam bảo, cung

kính chư Tăng, một lòng trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát.

Nhờ hành trì như vậy nên lão Thừa tướng đã biết trước ngày giờ lâm chung của mình. Khi nhắm mắt, trút hơi thở cuối cùng thân sắc tươi nhuận, thấy đức Quán Thế Âm thân vàng đoan chánh, cùng chư vị Bồ tát tiếp dẫn về Tây phương Tịnh độ.

Lời bàn:

Quý là chỉ sự ám hại. Dụ cho những người không quang minh chánh đại. Ai có tâm sát hại gọi là quý La sát. Ai khởi lên ác niệm gọi là Hắc phong.

Nếu quả thật là người quang minh chánh đại thì quý chẳng dám đến gần huống nữa làm hại. Vì chúng ta luôn làm điều xấu, động tâm đen tối, khởi niệm hung ác cho nên quý dữ lúc nào cũng có thể xâm nhập.

Hắc phong tức là vô minh. Ngọn gió vô minh kia có thể đưa con thuyền trí tuệ trôi vào trong biển sinh tử một cách dễ dàng. Chỉ cần

khởi niệm tham, sân, si là khi đó hắc phong sẽ đưa chúng ta đến bờ của khổ đau, sinh tử.

Ngày trước, có ngài Động Sơn Hòa thượng. Một hôm, Ngài đi xuống bếp xem thấy sư Phạn đầu (tức vị sư chuyên nấu ăn), đem cơm rau bỏ vào ghè nước lã hơi thổi làm phung phí của thiên vật. Ngài mới động khởi tâm niệm mà răn nhắc vị sư Phạn đầu đôi lời:

– Ông làm như vậy là phí phạm của thường trụ mắc phải tội nặng, mau vớt lên rửa sạch mà làm thức ăn.

Ngay khi vừa dứt lời, vị thần Già lam bỗng nhiên xuất hiện nguyên hình, vội vàng sụp lạy Hòa thượng chấp tay cung kính bạch rằng:

– Kính bạch Hòa thượng, con bấy lâu có lòng mến mộ Đại danh của Hòa thượng, hôm nay mới có dịp yết kiến Ngài!

Hòa thượng nghe vậy liền hỏi:

– Sao người nói vậy?

– Bạch Hòa thượng, vì từ lâu Ngài luôn trụ trong chánh định, cho nên dù với thiên nhân nhưng con vẫn không tìm thấy được Ngài.

Nhưng hôm nay Hòa thượng khởi tâm bất định la mắng vị sư Phan đầu nhờ đó mà con có thể thấy và đánh lễ dung mạo và oai đức của Ngài.

Thường tình người ta cho rằng được quý thân đến lễ bái là hiện tượng tốt. Nhưng trong trường hợp này thì trái lại. Bởi một khi khởi tâm động niệm là bị con quý dòm thấy, tức thì bao nhiêu công phu bị tan mất hết.

Do đó chúng ta thực hành pháp môn niệm Phật, niệm danh hiệu Bồ tát cho đến khi nào đạt được nhất tâm bất loạn, tức là thân và tâm luôn luôn ở trong "chánh định" không còn bị trần lao, nghịch cảnh chi phối. Ngay khi đó quý nào dám đến gần mà hại, cho đến thiên nhãn soi cũng không thấy.

Quý ở đây không còn là quý La sát mà chính là con quý vô thường. Chúng ta nên biết quý vô thường, thường rình bắt ta, nó theo ta như hình với bóng. Một hơi thở vào mà không thở ra tức là đã làm bạn với quý vô thường rồi vậy.

Vì thế mau kíp một lòng nhất tâm trì niệm danh hiệu chư Phật, chư Bồ tát. Niệm niệm tương tục không gián đoạn đạt đến chỗ "vô

niệm", được như vậy mới mong thoát khỏi sinh tử luân hồi tương lai chắc chắn sẽ thành Phật.

Phật pháp quả thật rất nhiệm mầu!

Lại nữa, chúng ta cũng cần phải biết, trăm ngàn vạn ức chúng sinh đều có quỷ ở trong tâm. Quỷ có nhiều loại, nhưng chung quy có ba loại sau:

- Quỷ quả báo: cõi dục đều có.
- Quỷ ác nghiệp: cả ba cõi đều có.
- Quỷ phiền não: thông suốt chín cõi đều có.

Vì thế, muốn trừ tiêu ba thứ quỷ ấy không cách nào khác hơn là quay về với câu niệm Phật, niệm Bồ tát. Chỉ có Phật lực mới đủ công năng phá trừ những thứ quỷ trong tâm thức của chúng ta. Chỉ có Phật lực mới đủ công năng hàng phục những tâm niệm xấu ác trong tâm thức của chúng ta.

Vậy, hãy mau tinh tấn!





*Hóa thân ứng hiện giữa đời
Gieo mầm an lạc rạng ngời chân như*

NAM CUNG TỬ NGAO

*Chốn pháp trường dao kẻ gán cổ
Niệm Quán Âm dao gậy rã tan*

Thời nhà Tấn, có ông Nam Cung Tử Ngao làm quan đến hàng tam phẩm. Sau nhà vua nghe lời dùa nịnh của bọn gian thần cho là ông đã ăn hối lộ quốc khố triều đình trong việc sửa đê chống lũ. Vì thế ông bị đày đi Vân Nam.

Ngay lúc này, Trường Lạc Công làm loạn, thành Vân Nam bị thất thủ, Nam Cung Tử Ngao bị bắt làm tù binh. Biết mình chẳng thể nào sống dưới lưỡi dao của Trường Lạc Công nên ông chuyên lòng niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm cầu mong thoát khỏi kiếp nạn này.

Khi bị dẫn ra pháp trường chém đầu, ông vẫn không thay đổi thần sắc, nhất tâm niệm Bồ tát. Lúc loạn quân đến chém mấy dao, tự nhiên lưỡi dao cong gãy, chém chẳng được nữa.

Trường Lạc Công lấy làm lạ cho là tà thuật, rồi tự tay lấy dao mà chém. Nhưng chém cách nào đi nữa Nam Cung vẫn bình yên không tổn một mảy lông. Trường Lạc Công thấy vậy hỏi:

– Người có bản lĩnh gì mà được như vậy hả? Có phải người là yêu tinh hiện hình làm nhiều loạn lòng quân của ta không?

Nam Cung Tử Ngao đáp:

Thưa Trường nguyên soái, tôi vốn chẳng phải yêu tinh, quý quái mà tôi là quan bị đày của Tấn quốc. Vì vua tôi nghe lời bất chánh nên thân tôi phải gánh lấy hậu quả thế này.

Vậy người tu thuật trường sinh bất tử sao? Trường Lạc Công ngắt lời.

Bẩm ngài không. Vốn là từ khi bị đày đến Vân Nam, ngày nào tôi cũng chuyên lòng trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Chính vì thế mới được Ngài che chở khỏi đại nạn. Nam Cung Tử Ngao trả lời.

Nghe vậy, Trường Lạc Công bèn tha tội và phóng thích cho Nam Cung toàn mạng sống.

Lời bàn:

Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy: "Tin là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi lớn tất cả các pháp lành, dứt trừ lưới nghi, thoát dòng ái, mở chỉ Niết Bàn, đạo vô thượng; tin lòng trong sạch không dơ bẩn, dứt trừ kiêu mạn gốc cung kính, là cửa quý thứ nhất trong kho pháp, là tay trong sạch lãnh các hạnh; tin hay huệ thí tâm không tham; tin hay vui mừng vào Phật pháp; tin hay thêm lớn trí công đức; tin hay quyết đến cõi Như Lai; tin khiến các căn lành sáng suốt; tin sức bền chắc không thể hư; tin hay dứt hẳn gốc phiền não; tin hay hướng về Phật công đức; tin đối cảnh giới không tham lam, xa lìa các nạn, được không nạn; tin hay vượt khỏi các đường ma, thị hiện đạo vô thượng giải thoát; tin chẳng phá hư giống công đức; tin hay nuôi lớn cây Bồ đề; tin hay thêm ích trí tối thượng; tin hay thị hiện tất cả Phật".

Thật vậy, nếu niệm Phật, niệm Bồ tát với

lòng tin kiên cố dù chỉ trong giây phút công đức vẫn không thể nghĩ bàn.

Trong mỗi con người đều hàm chứa một đức tin. Có người tin cạn, có người tin sâu, có người tin ít, có người tin nhiều. Chung quy đều được lợi ích!

Thế nhưng đường vào Phật đạo cao xa vời vợi, nếu lấy niềm tin nhỏ bé mà đi vào thì quả thật "Tìm kim đáy biển". Vì thế muốn đạt được sự cảm ứng giữa ta và Phật thì phải cần có đức tin sâu dầy. Đó chính là con thuyền lớn, cỗ xe lớn đưa chúng ta đến gần Phật đạo. Câu chuyện trên đây là một thí dụ điển hình.

Nam Cung Tử Ngao nhờ tin sâu vào danh hiệu đức Quán Thế Âm mà thành tâm niệm. Niệm đến quên cả thời gian, quên cả không gian, vượt ra ngoài hai chữ "sống chết". Chỉ trong giây phút ngắn ngủi mà thể nhập được pháp giới chân như. Ngay khi đó đức Quán Thế Âm soi thấu tiếng tâm thị hiện cứu cho thoát nạn.

Chúng ta ngày nay cũng niệm. Niệm một ngày không biết bao nhiêu mà kể. Hễ gặp ai cũng lớn tiếng nói rằng: một ngày tôi niệm ba, bốn chục xâu chuỗi Phật. Đi cũng niệm, đứng

cũng niệm, ăn cũng niệm, ngồi cũng niệm, lúc nào cũng niệm mà có thấy gì đâu. Huống hồ chỉ niệm trong giây lát.

Đúng! Người này nói rất đúng. Song chúng ta cần phải kiểm chứng lại xem mình có thực sự an trụ vào câu niệm Phật hay chưa? Hay là vừa khởi tâm niệm Phật thì ngay lúc đó niệm tham, niệm sân, niệm si, niệm tật đố, ganh ghét xen vào. Niệm như vậy cả đời cũng chỉ là "Dã tràng xe cát biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì", thế thì làm sao bằng người nhất tâm niệm Phật trong phút chốc!

Trở lại câu chuyện trên tôi xin bàn một chút về hình ảnh "dao, gậy" mà chúng ta được xem qua.

Phải biết ngoài bị dao gậy làm hại là bởi vì trong tâm có ý sát nổi lên.

Dao gậy tượng trưng cho lục căn(mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) dính vào sáu trần(sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mới gây nên ác nghiệp. Nếu nhất tâm niệm Quán Âm sáu căn đều thu nhiếp thì làm gì có chuyện bị hại.

Pháp tức tâm, tâm tức pháp. Tâm pháp chẳng hai, như dao chém nước, như dao chém

bùn làm sao bị đứt. Tâm cảnh dung thông thì tất cả đều vô ngại.

Xưa khi đức Lục tổ Huệ Năng được Ngũ tổ Hoằng Nhân truyền trao y bát. Thượng tọa Thần Tú vì không được nên sinh tâm sát hại Lục tổ để cướp lấy y bát.

Lục tổ biết được việc này bèn an nhiên ngồi trong thiền thất để đợi. Quả thật đêm đó có người xông vào chém liên tục ba nhát nhưng Ngài vẫn không sao cả. Đủ thấy công hạnh tu tập của chư tổ khi xưa to lớn biết chừng nào!

“Dao” dụ cho những phiền muộn, khổ đau khi căn tiếp xúc với trần. Nếu kịp thời quán chiếu, hay gọi là niệm Quán Thế Âm Bồ tát thì những niệm khổ đau kia liền rơi rớt xuống giống như dao gậy liền gãy từng đoạn vậy.

“ Dao” ở đây nói lược thì có ba loại:

- Dao quả báo
- Dao ác nghiệp
- Dao phiền não

Một khi dao phiền não động dậy là pháp thân huệ mạng liền tiêu vong. Cho nên cần phải tỉnh giác, tin sâu nhân quả, chuyên lòng niệm

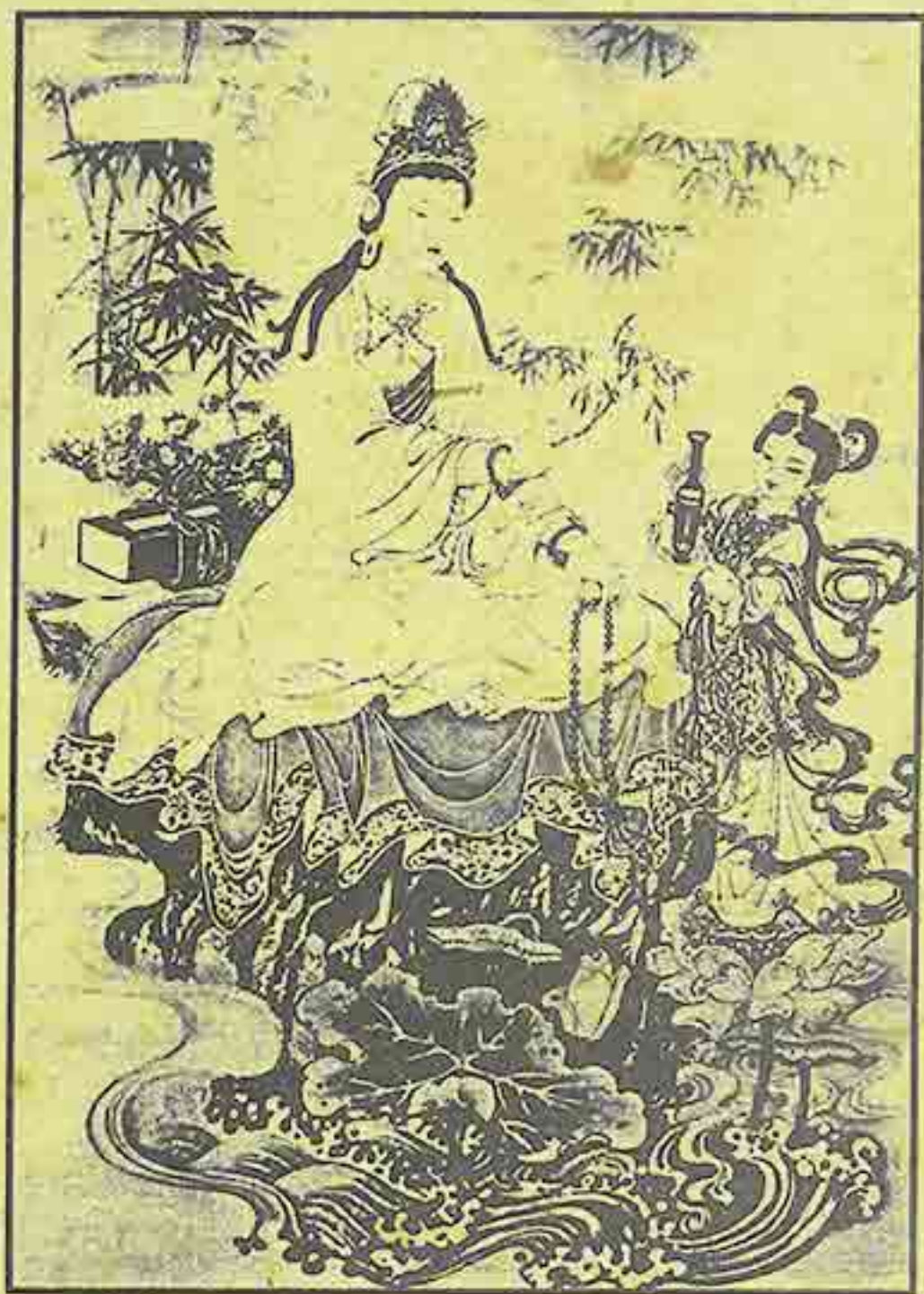
*Phật ngộ hầu đẹp được con dao phiến nào trong
lòng chúng ta. Thế mới mong vững bước tiến về
Phật đạo.*

Cố gắng lên nào các bạn!

*

*

*



*Hào quang tỏa khắp mười phương
Xoa dịu đau thương dẫn đường về*

LỮ THỊ THOÁT ÁN OAN

Tội tù đánh đập khảo tra

Niệm Quan Âm chắc khỏi sa ngục hình

Thuở trước có đôi vợ chồng nghèo, sinh sống bằng nghề làm thuê cuộc mưu sinh. Tuy gia cảnh khó khăn nhưng luôn giữ đạo thanh bạch. Lữ thị (tên của người vợ) là một người vợ đảm đang, biết lo lắng trong ngoài. Hai vợ chồng đã quy y Tam bảo, phụng thờ đức Quán Thế Âm hết mực chí thành, xem như đó là tài sản quý giá nhất trong căn nhà mục nát.

Thế rồi “Hoạ vô đơn chí, phước bất trùng lai”. Năm đó trong làng gặp cảnh hạn hán, mất mùa đói kém. Người chồng bao phen đến

nhà Bá hộ nài nỉ, lạy lục van xin mượn ít gạo về để nuôi vợ đang trong cơn bệnh ngặt nghèo. Nhưng Bá hộ không cho còn bảo gia đình dẫn chó xua đuổi.

Bá hộ là một tên hung ác, keo kiệt có tiếng. Dân trong làng đặt cho hắn cái tên “Bá hộ keo”. Gặp tình cảnh khổ sở này mà hắn cứ vênh râu, làm ngơ trước nỗi xót xa của dân chúng.

Đêm hôm đó, nhà Bá hộ có trộm nhưng khốn nỗi không tìm được thủ phạm. Hắn một mực vu oan chồng Lữ thị là kẻ chủ mưu nên cho người đến bắt.

Người chồng nghe tin, vừa giận vừa lo. Lo là vợ mình không ai chăm sóc, giận là chuyện oan trái từ đâu đổ xuống. Thấy chồng lo lắng Lữ thị khuyên:

– Ngay lúc này bọn nó chưa tới thôi chàng hãy về quê lánh nạn ít hôm. Khi nào mọi chuyện êm xuôi thì hãy trở về rước thiếp.

Người chồng không đành, nhưng quân lính đã gần tới nơi, không còn cách nào khác để bảo toàn tính mạng nên người chồng đành phải ra đi. Trước khi đi người chồng nói với vợ:

- Ta phen này bị nạn, nàng hãy tự bảo trọng. Hãy chuyên lòng niệm Quán Âm chắc sẽ qua cơn bạo bệnh.

Lữ thị ngậm ngùi khuyên chồng:

- Thôi chàng hãy đi đi, thiếp tự lo cho mình được. Chàng cũng phải thường nhớ niệm đức Quán Thế Âm thì mọi chuyện sẽ chóng qua!

Vừa dứt lời, quân lính đã đến tới ngõ. Người chồng nhanh chân chạy thoát, để lại người vợ bất hạnh đương đầu với lũ đầu trâu mặt ngựa.

Vừa tới cửa nhà, bọn chúng quát:

- Chồng mày đâu mau kêu nó ra đây, nếu không tui tao sẽ đốt căn nhà này.

- Lữ Chồng tôi đi xa chưa về có gì các ông cứ nói với tôi.

- Chồng mày dám trộm lúa của Bá hộ rồi bỏ trốn. Nay Bá hộ thưa lên quan, bọn tao thừa lệnh bắt nó về. Mày mà cố ý che giấu thì bọn tao đành phải tạm giam mày trước đã. Bọn lính nói.

Thế là chẳng cần biết phải trái bọn lính tóm lấy Lữ thị giải lên quan rồi tống vào nhà giam.

Đáng thương thay cho Lữ thị! Một mình nàng phải hứng chịu biết bao nhiêu là nhục hình tra tấn dã man. Gông cùm xiềng xích, tra khảo đánh đập, trăm ngàn đau khổ trút lên tấm thân héo gầy vốn đã kiệt sức vì bệnh tật, đói khát.

Một hôm, nhà ngục đột nhiên phát hỏa. Quân lính di chuyển phạm nhân ra đường lộ để tránh hỏa hoạn. Vừa may gặp một vị Tăng đi ngang qua, Lữ thị nhìn thấy liền van lạy cầu cứu:

– Thưa cao Tăng, con vốn bị oan tình, nay xin cao Tăng từ bi cứu giúp con thoát khỏi ngục hình, ơn này con khắc cốt ghi tâm.

Vị Tăng nhìn thấy Lữ thị chính là người đàn bà đã từng quy y với mình trước kia. Ngài nói:

– Ta rất đau lòng trước tình cảnh của con nhưng ta không có cách nào giải cứu cho con được. Nay con nên thâm tín đức Quán Thế Âm, một lòng trì niệm chắc sẽ có cảm ứng.

Lữ thị nghe lời thầy dạy, chuyên lòng trì niệm danh hiệu Bồ tát suốt ba ngày đêm, gông cùm bỗng nhiên đứt rời. Nhưng Lữ thị vẫn không dám chạy trốn vì lính canh còn quá nhiều.

Lạ thay! Từ trên không có tiếng người kêu:

– Người mau chạy thoát đi!

Lữ thị nghe tức thì mở to đôi mắt thấy cửa ngục trống không, Lữ thị lấy hết sức phóng chạy như bay bán sống bán chết. Chạy đến hai, ba mươi dặm đường vì quá mỏi mệt nên Lữ thị ngất xỉu.

Tỉnh dậy Lữ thị thấy mình đang nằm trong một căn nhà khang trang, bên cạnh là một người đàn ông vóc dáng rất quen thuộc.

Lữ thị vừa mở miệng nói thì bị ngăn lại.

– Nàng hãy an tâm dưỡng bệnh, ta sẽ bồi đắp cho nàng để bù lại những ngày khốn khó. Người chồng nói.

Rồi chàng kể hết mọi việc sau khi chàng bỏ trốn. Vừa kể chàng vừa an ủi vợ:

– Thôi đã qua rồi cơn hoạn nạn! Nàng hãy cùng ta xây dựng lại mái ấm gia đình.

Lữ thị nghẹn ngào ôm chặt người chồng trong tay, cứ ngỡ như mình mới từ cõi chết trở về. Nàng vừa mừng vừa ngạc nhiên không hiểu

nguyên do cơ sự. Trong lòng có ý muốn hỏi.
Đoán biết ý của Lữ thị người chồng nói:

– Tất cả là nhờ vào sự gia hộ của Bồ tát Quán Thế Âm!

Lời bàn:

Gông cùm, xiềng xích trói buộc nơi thân thể chỉ là thứ hình phạt bên ngoài của thế gian. Mới có như vậy thôi mà sự đau sự khổ đã không thể kể xiết. Đó là cái hữu hình.

Hiện nay chúng ta có một cuộc sống sung túc, giàu sang rồi lấy đó làm vui, làm thích cho là không bị trói buộc bởi cái nghèo, cái khổ. Chúng ta đâu ngờ rằng trong từng phút từng giây mình đang bị gông cùm trói buộc, đang bị giam cầm trong cái hư danh, giàu sang giả tạm. Đó là thứ vô hình.

Ngày nay chúng ta sống lương thiện, nhưng lại còn phiền lụy về gia đình, tình con cái ràng buộc, tình nam nữ lôi thôi chẳng rời, giống như chim ở tại lồng, cá ở trong chậu, không có được tự do bơi lội hay bay nhảy trong khoảng không bao la trong mát được.

Gia đình chính là địa ngục vô hình, nơi đó giam hãm cuộc đời, chôn vùi hạnh phúc của chúng ta.

Tình con cái, tình duyên ái nam nữ chính là gông cùm, xiềng xích trói buộc ngăn trở chúng ta trên con đường đến với niềm vui giải thoát.

Cũng trong quyển Giai Thoại Nhà Thiên, Thầy Thích Minh Phát có viết:

“Trong lối hẹp giữa dòng đời luân tục
Cảnh buồn vui thúc giục kiếp nhân sinh
Ôi! Bao la từ một độ kết tinh
Cho cuộc sống giữa tâm tình khắc khoải
Nhìn bóng sắc say mê quên nghĩ lại
Để phiêu linh niềm nỗi mãi vấn vương
Bướm bướm bay, vì tâm cảnh chủ trương
Đắm hình sắc giữa canh trường mang lại
Thôi sự tỉnh, xa lìa lòng tham ái
Lửa dục tình hằng đốt cháy tâm linh
Như bướm kia, đã quên mất thân mình
Đành phải chết giữa bóng hình ảo ảnh”.

Cho nên muốn thoát khỏi ngục tù vô hình, gông cùm vợ con, xiềng xích nam nữ, thì cũng

chỉ có nhất tâm xưng niệm hồng danh chư Phật, chư Bồ tát, may ra được mãn nguyện phần nào. Nhưng cũng chẳng cần phải xuất gia, phải ly khai gia đình mới gọi là thoát tục. Mà chỉ cần tâm duyên nơi đạo, sống đúng chánh pháp, thường xuyên niệm Phật là quý lắm rồi.

Trong cuộc sống mấy ai biết được chữ “ngờ”.

Để có được sự đoàn tụ ấy vợ chồng Lữ thị phải trả một giá rất đắt. Nỗi oan trái kia không phải là trường hợp hiếm hoi trong xã hội vốn đầy dẫy bất công, đau khổ.

Người chồng bị vu oan nhưng người vợ lại hứng chịu cực hình. Âu, đó cũng chính là gây oan trái mà người vợ đã gây tạo từ trước. Theo tư tưởng Phật giáo thì nhân nào quả đó. Định luật nhân quả hầu như chi phối toàn bộ đời sống của con người. Từ vua, quan cho đến thứ dân bản cùng khốn khổ.

Tuy nhiên chúng ta đừng “lầm” nhân quả. Phạm trù nhân quả bao la rộng lớn chúng ta không thể dùng tri kiến thường tình mà có thể hiểu nổi.

Nhân quả rất đa dạng và phức tạp. Nhân, có nhân tốt nhân xấu. Quả, có quả lành quả dữ.

Cùng một nhân nhưng quả lại khác nhau tùy theo sự tạo tác sai biệt của mỗi người.

Cổ đức nói: "Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thọ giả thị. Yếu tri lai thế quả, kim sinh tác giả thị".

Nghĩa là: muốn biết đời trước mình là người thế nào thì xem cuộc sống của bản thân, gia đình trong hiện tại. Muốn biết sẽ vui hay khổ của thân sau thì trông vào tính nết, đức độ, cách ăn ở của mình đối với mọi người trong hiện tại. Đó là đáp án chung cho bài toán về nhân quả.

Đã là cuộc đời luôn luôn có mâu thuẫn, luôn luôn có mầm đối lập dù trong một cuộc đời, một thể thống nhất. Ngoại cảnh hay tự thân đều cùng chung một quy luật ấy. Có thiện thì có ác, có tốt thì có xấu. Đó là chân lý tất yếu của cuộc đời. Trong kinh Pháp Hoa phẩm Đề Bà Đạt Đa chúng ta thấy đức Phật thuật lại câu chuyện Đề Bà Đạt Đa xấu với Phật trong quá khứ, ác với Phật trong hiện tại nhằm nhắc cho chúng ta về quy luật tất yếu tất nhiên đó. Đừng nghĩ mình thiện thì luôn luôn có cái thiện điều tốt nó đáp lại ngay cho mình và đừng có cái xấu việc không may đến với mình.

Vấn đề “nhân quả” trong đạo Phật không phải quá đơn giản như chúng ta tưởng, mà nó vận hành theo nhịp độ thời gian làm cho nhân quả khác thời, khác giống và không khư khư cố định.

Ta đang chăm sóc cánh đồng lúa rất tốt nhưng có khi phải ăn khoai, ăn bắp mà làm công việc đó. Có người hiện tiền hưởng thụ mỹ vị cao sang, lụa là, nhung gấm, ai có ngờ mấy năm sau họ trở thành người bần hàn cơ cực².

Tin nhân quả đã khó, sống đúng nhân quả lại càng khó hơn!

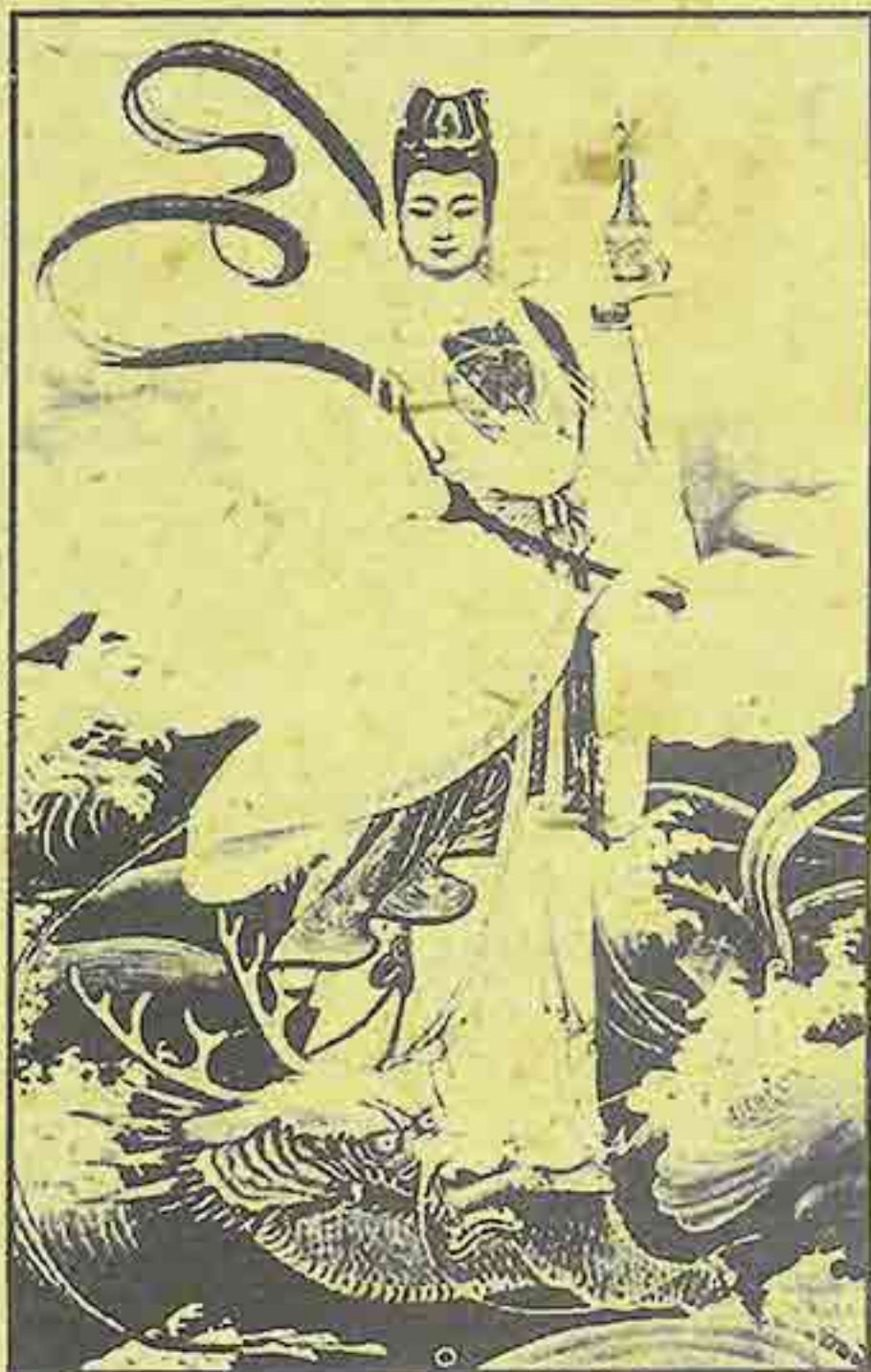
Thân tuy còn tại gia, nhưng đã sùng tín Phật Pháp, quy y Tam bảo, đạm bạc với cuộc sống hằng ngày, giữ gìn nết đạo thanh cao, nuôi dưỡng vun bồi tấm lòng từ bi. Được như thế tức là đã xuất gia rồi vậy.

Đấy là những việc phi thường chứ chẳng phải dễ được đâu. Cứ một đường thẳng tiến, Cực Lạc thế giới ở ngay trước mắt:

“Thân tuy yí đảo Liên hoa trì,
Thử tâm dĩ tống Cực Lạc hương”.

² Trích Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa của Hòa thượng Từ Thông, tr 157.

*Nghĩa là: “Thân tuy chưa đến ao hoa sen,
tâm này đã về quê Cực lạc”.*



*Trí tuệ bừng lên đóa biện tài
Đứng yên trên sóng sạch trần ai*

ĐÀM HIẾU KHANH

*Cầu con nào quản bao gian khó
Thiết lễ, cúng dường, niệm Quán Âm*

Thuở trước có ông Đàm Hiếu Khanh, nhà giàu có. Đã năm mươi tuổi mà không có một đứa con nào cả. Các cháu trong gia tộc tranh nhau kế thừa và chia của. Lòng ông buồn lắm!

Nỗi khát khao có được một đứa con để nối dõi tông đường đã thôi thúc Đàm Hiếu Khanh làm rất nhiều việc thiện, ngay cả đi xin xăm bói quẻ. Ông cũng đích thân đi hết núi này, núi nọ, chùa lớn chùa nhỏ, thắp hương lễ Phật cầu xin cho được một đứa con.

Hôm nọ, có một vị Tăng đi khất thực ngang nhà. Nhìn thấy dung mạo đoan chánh, ông sinh tâm hoan hỷ thỉnh Tăng vào nhà cúng dường. Nhìn dáng vẻ tiêu tụy của Đàm công vị Tăng nhân hỏi:

– Chẳng biết bản Tăng có thể giúp được gì cho thí chủ không?

Đàm công ngập ngừng đáp:

– Bạch Hòa thượng, con vốn thuộc hàng danh gia vọng tộc. Bao đời tu sâu Phật pháp, làm việc phước lành không mong cầu chi cả, chỉ mong có được một đứa con để nối dòng nối dõi. Cúi mong Hòa thượng từ bi giúp cho, con xin đội ơn Ngài.

Tăng nhân nói:

– Tôi rất cảm thông cho tình cảnh của ông nhưng ngặt nỗi không cách nào giúp được. Nay tôi khuyên ông nên lập đàn sám Đại bi, chuyên tâm trì niệm hồng danh Quán Thế Âm Bồ tát, may ra sẽ có kết quả.

Trải qua bốn mươi chín ngày đêm tu sám. Đêm nằm ngủ người vợ mơ thấy đức Quán Thế

Âm lấy mâm đựng đĩa con trai đem cho. Người vợ liền đưa tay tiếp nhận thì ngay khi đó có một con bò chạy xốc tới, người vợ giật mình thức giấc, liền có mang. Đàm công nghe vợ nói mừng như mở hội, hai vợ chồng lại xuất ra một ngàn đồng để xây dựng Quán Âm các, thỉnh tượng Bạch Y Quán Âm phụng thờ.

Thời gian sau người vợ hạ sinh được một cậu trai, chưa được mấy ngày, đã bị yếu vong.

Nỗi mừng chưa thỏa thì nỗi đau ập đến. Đàm thị vì quá đau buồn nên sinh bệnh. Đàm công thì than trời trách đất, quyết đi đến gặp Hòa thượng hỏi cho ra lẽ.

Trông thấy Đàm công, Hòa thượng đã nói:

– Tôi đợi ông từ sáng đến giờ, thôi vào trong rồi hãy nói.

Không cần Đàm công trình bày, Hòa thượng giải thích:

– Gia đình ông vốn ưa ăn thịt bò, tuy làm việc thiện nhưng không trì trai giữ giới, sự việc xảy ra là lời cảnh báo cho ông. Thôi, hãy cố gắng có cầu tất có ứng.

Trở về ông tiếp tục làm các việc thiện như: bố thí, phóng sinh, trì trai, giữ giới. Hai năm sau người vợ có thai. Lần này bà hạ sinh được một cậu con trai, nằm trong bọc trắng sinh ra, khôi ngô tuấn tú, thông minh lạ thường.

Từ đấy về sau, cả gia đình cùng nhau trai giới, chuyên lòng trì niệm hồng danh Quán Thế Âm Bồ tát.

Lời bàn:

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Phổ môn nói: “Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát, liền sinh con trai phước đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sinh con gái có tướng xinh đẹp, trước đã trông cội phước đức, mọi người đều kính mến”.

Đoạn này nói người nữ muốn sinh con trai, con gái, cúng dường, lễ lạy Quán Thế Âm Bồ tát thì được thành tựu như ý muốn.

Điều này bấy lâu nay chúng ta hiểu trên chữ nghĩa, chấp vào văn tự nên bị kẹt. “Cúng dường” là cúng như thế nào? “Lễ lạy” là lạy ra

sao? Nếu chỉ có cúng dường và lễ lạy đơn thuần mà sở cầu như ý thì giá trị của Bồ tát quá rẻ!

"Cúng dường": nói cho đúng là "cung dưỡng". Cung tức là cung cấp. Dưỡng tức là nuôi dưỡng. Tóm lại "cúng dường" là cung cấp những thứ cần thiết (quần áo, thuốc men, thức ăn, giường chiếu) để lấy đó làm phương tiện nuôi dưỡng, bảo tồn thân mạng.

Đối với người nhỏ hơn mình (em, cháu, con) thì gọi là "cho". ngang hàng (bạn bè) gọi là "tặng". Lớn hơn (cha mẹ, ông bà) thì gọi "biếu, dâng". Ở đây, sở dĩ nói "cúng dường" là chỉ cho việc làm của người Phật tử đối với ba ngôi Tam bảo. Vì trên thế gian này không chi hơn Tam bảo, không chi quý giá bằng ngôi Tam bảo (Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo).

Cúng dường Tam bảo tức là đem của cải vật chất lương thiện mà mình có, hoặc đem tinh thần sức lực bảo hộ, hoằng truyền chánh pháp khiến cho Tam bảo trường tồn mãi mãi ở thế gian. Cúng dường với tâm thanh tịnh, không mong cầu, không vụ lợi, không ích kỷ. Đó là chân thật cúng dường.

“Lễ lạy” phải chí thành chí kính. Năm vóc (đầu, hai tay, hai chân) gieo sát đất, ví như quả núi lớn đổ sập xuống, cốt là để bề gãy tâm cống cao ngā mạn. Khi lạy thân tâm doan chánh, luôn luôn an trụ trong chánh niệm, buông bỏ muôn duyên, nhất tâm đánh lễ. Tuyệt đối chẳng nêṃ tham khoái tham nhiều là vọng tưởng, có tư tưởng phân biệt, thời tâm bị rối loạn, phải năng quán tưởng rằng: Bồ tát là Bồ tát trong tâm chúng sinh, tức là lễ bái Bồ tát nơi tự tính; chúng sinh là chúng sinh ở trong tâm Bồ tát. Dem chúng sinh ở trong tâm Bồ tát mà đánh lễ Bồ tát ở trong chúng sinh. Nên phải quán sát:

“Năng lễ sở lễ tánh không tịch
Cảm ứng đạo giao nan tư nghĩ”

Nghĩa là người lạy (ta) và người được lạy (Phật) đều cùng một tâm thanh tịnh không sai khác, ngay khi đó liền được cảm ứng không thể nghĩ bàn. Được như thế mới là dem chân tâm lễ bái, cúng dường Bồ tát vậy.

Tuy nhiên, chư Phật, chư Bồ tát không câu nệ vào hình thức cúng dường, lễ lạy đó. Thế nhưng để tỏ lòng kính trọng, chúng ta phải một dạ chí thành lễ lạy, cúng dường vì “kính Phật

mới được thành Phật". Mượn ông Phật giả bên ngoài làm phương tiện quay về với ông Phật thật bên trong tâm hồn của mình. Lạy Phật chính là thừa nhận, kính trọng ông Phật tâm của chúng ta. Hiểu, và hành đúng như thế mới thực sự có công đức!

Đức Quán Thế Âm đâu còn nhu cầu những thứ: bông hoa, bánh, trái, cao lương mỹ vị ấy nữa mà đem cúng dường? Chúng ta sở dĩ cúng dường là vì cầu phước vậy. Có phước mà không có huệ thì gọi là si huệ, chỉ cho hạng người giàu có mà ngớ ngẩn, ngu ngốc. Còn có huệ mà không có phước thì gọi là cuồng huệ. Chỉ cho hạng người thông minh lanh lợi nhưng nghèo cùng khốn khổ.

Thuở xưa biết niệm Phật, hiểu đạo lý, đời nay có trí tuệ. Kiếp trước hay bố thí, trì giới, ăn chay, phóng sinh, đời nay có phước lộc. Hai điều này phải luôn đi đôi, hỗ trợ cho nhau. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được tôn xưng là bậc "Lưỡng túc tôn" đầy đủ phước và trí, sinh ra trong gia đình vua chúa, uy quyền, dung nhan thanh lịch, tài nghệ song toàn, đức hạnh viên mãn.

Như vậy nếu muốn cầu con trai, con gái phước đức, trí huệ đầy đủ thì người nữ phải thực hành lễ lạy, cúng dường đúng như pháp. Năng trì niệm hồng danh Bồ tát thời sở cầu như ý.

Xã hội ngày nay nam nữ bình đẳng. Nữ giới cũng có quyền như nam giới. Hiện nay, nữ nhân đã có mặt trong hầu hết các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thậm chí họ đóng góp về số lượng lẫn chất lượng.

Nữ nhân chẳng cần dài tóc, trâm anh mà chỉ cần phẩm hạnh đoan chính, tướng mạo trang trọng, nhìn qua là biết người ấy có phước đức và trí tuệ. Năm căn chẳng khuyết, diện mạo nhã chính, nên gọi là đoan chính. Phẩm hạnh chẳng cầu thả, nét na thùy mị, lời nói từ hòa, hành vi trang trọng, gọi là hữu tướng. Nếu đoan chính mà vô tướng thời chẳng được người kính mến. Trái lại có tướng mà chẳng đoan chính chắc chắn bị người khinh rẻ. Cho nên nhứt định là phải: đoan chính mới được người mến, có tướng mạo người chịu kính trọng.

“Đời trước trồng cội đức” tức là đời trước đã vun trồng cội gốc hiền đức, ngày nay lại thành kính niệm Phật, nghe kinh vun trồng cội

đức cho thêm chắc rễ vững gốc, mới có thể cảm sinh được người nữ tài đức song toàn, được nhiều người yêu kính. Nên biết người nữ được yêu mà chẳng kính thì gọi là khinh rẻ, kính mà chẳng yêu thì gọi là xa bỏ. Cho nên quyết phải đầy đủ hai phương diện mới được nhiều người ái kính.

Đạo phật cho rằng thế gian vạn pháp đều là huyễn hóa. Con cái chính là món nợ tiền khiến "con là nợ, vợ là oan gia". Nhiều con hay ít con cũng đồng nghĩa với ít hay nhiều phiền não. Những người tu hành cho việc có con cái là sợi dây trói buộc chẳng được tự tại. Thậm chí có người tu không muốn nhận đệ tử xuất gia vì sợ phiền toái, vướng bận. Điều này đối với thế gian pháp tất nhiên là trái ngược nhau.

Người thế gian muốn có nhiều con nhiều cháu, vì họ xem đó là niềm hãnh diện, niềm hạnh phúc lớn nhất trên cõi đời. Tuy nhiên đằng sau cái hạnh phúc đó là biết bao nỗi vất vả, lo lắng, cực khổ để giành được miếng cơm manh áo, bảo đảm cho sự sinh tồn. Cái họa là ở chỗ này!

Có nhiều người khi đọc đến đoạn kinh này, rồi lâm tưởng, mắc kẹt trên ngôn ngữ nên rơi vào tà tri, tà kiến. Họ chỉ hiểu đơn thuần trên

mặt văn tự mà không tìm hiểu nghĩa lý ẩn tàng bên trong, cuồng vọng van lạy cầu xin. Còn nếu cầu không được thì bảo Phật, Bồ tát là không linh, rồi chán nản mà xa lìa cửa đạo.

Tế Công Hòa thượng có nói: “Tụng kinh giả minh Phật chi lý”. Nghĩa là người tụng đọc kinh Phật cốt là hiểu được cái lý bên trong mà Phật muốn nói. Bởi vì kinh điển chỉ là phương tiện, giống như chiếc thuyền chở khách qua sông, đến bờ rồi phải bỏ lại thuyền chứ không thể nào tiếp tục vác thuyền đi theo được. Cũng vậy, lấy kinh điển làm phương tiện để dẫn dắt hành giả đi vào cánh cửa giác ngộ giải thoát. Nếu rời phương tiện hoặc chấp chặt ở phương tiện thì hành giả không bao giờ đến với Thánh đạo.

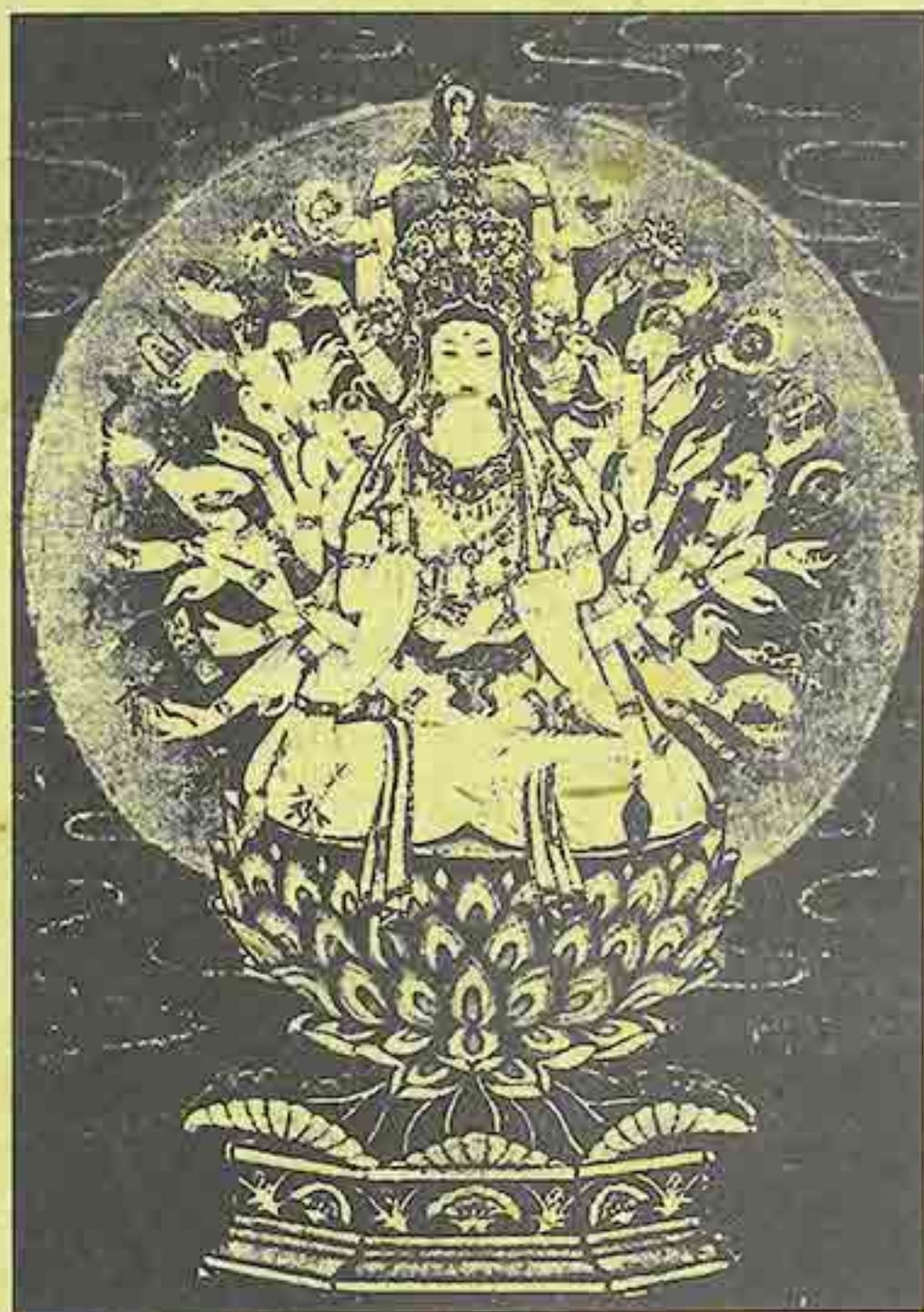
Cho nên ở đoạn kinh trên, mang ý nghĩa: nếu chúng sinh nào còn mang đầy “ái nhiễm”, như lời dụ trong kinh là “người nữ”, mà muốn thoát khỏi ái nhiễm để “trí tuệ” phát sinh, hay muốn cầu con trai hoặc muốn có phước đầy đủ, hay muốn cầu con gái mà lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ tát hay quy hướng về “bản tâm thanh tịnh” thì phước huệ kia sẽ được viên mãn.

Bởi Quán Thế Âm Bồ tát là biểu tượng tượng trưng cho "bản tâm thanh tịnh" mà chúng sinh biết quy hướng thì "vọng tưởng hư minh" không còn là áng mây che mờ tính giác nữa.

Sở dĩ đó nên Phật Thích Ca, một lần nữa, gọi Vô Tận Ý mà nói: "Quán Thế Âm Bồ tát có sức oai đức như vậy đó, chúng sinh nào nể sợ cung kính lễ bái, phước chẳng lường bỏ". Ý nói chúng sinh lễ bái cúng dường quyết chẳng lường uống. Cầu nam cầu nữ chắc có thù ứng cho sở nguyện của mình. Nếu chưa có ứng nghiêm túc khắc, nhưng đã trồng căn lành, một mai nhân duyên khi thành thực, quyết chẳng lường mất vậy.

*

* *



*Ngàn mắt ngàn tay nâng đước tuệ
Rộng đường phương tiện độ quần sinh*

Phụ lục:

TRUYỀN THUYẾT KINH BÁT NHÃ

*A tu la hôn chiến Ngọc Hoàng
Đức Phật dạy truyền kinh Bát nhã*

Một hôm nọ, Đế Thích mời nhạc phụ là A tu la vương đến viếng thiên cung. Khi nhạc phụ trở về trần gian, vì để tỏ lòng tôn trọng cha vợ nên Ngọc Hoàng sai thiên binh thiên tướng rằng:

– Quân đâu! Hàng ngũ chỉnh tề, áo mũ trang nghiêm giàng ra hai bên để cung tiễn nhạc phụ ta hồi quy hạ giới.

Tính chất A tu la hay sinh nghi kỵ. Nhân

thấy thế A tu la suy nghĩ:

– Chàng rể Ngọc Đế nay mời ta đến, lại dụng ý đem binh tướng nhà trời ra để uy hiếp ta nên ôm lòng bất mãn.

Lại một hôm khác, Ngọc Đế một mình sửa soạn giáng hạ trần gian để nghe Tiên gia đạo sĩ giảng kinh. Hoàng hậu, tức con gái A tu la vương nghi ngờ là Ngài đã thâm thương trộm nhớ nàng nào dưới hạ giới chăng, nên mới đến tâu với Ngọc Đế xin đi theo:

– Muôn tâu điện hạ! Thiếp xa nhà nay đã vạn năm, trong lòng nôn nóng muốn về thăm thân phụ. Nay Điện hạ giáng trần xin cho thiếp cùng đi theo.

Ngọc Đế dùng lời lẽ êm dịu, khuyên nàng ở lại và nói rõ nguyên nhân hạ giới của mình, nhưng nàng không tin, một mực đòi đi theo ý là để trình sát chứ chẳng phải nghe kinh, nghe pháp gì cả.

Để giữ thể diện, buộc lòng Ngọc Đế phán rằng:

– Trẫm xuống trần gian mà đem đàn bà

con gái đi theo kè kè một bên coi không đẹp, tốt hơn hết là Hoàng Hậu hãy ở nhà, ta đi rồi về ấy mà.

Nghe Ngọc Đế phán, trong lòng Hoàng Hậu càng thêm nghi ngờ. Để tránh lớn tiếng không hay, nàng bèn cáo lui trở về hậu cung.

Sáng hôm sau chờ khi Ngọc Đế ngự lên long xa, nàng bèn dùng thuật ẩn mình thót lên cùng theo Ngọc Đế giáng hạ trần gian.

Chờ khi Ngọc Đế ngự xuống long xa, Hoàng Hậu cũng từ trên xe xuất hiện. Lúc này thiên hạ tập hợp đón rước linh đình, nào là trống đánh, cờ bay, nhạc trời, hoan hô, muôn lời chúc tụng; nào là hương trầm nghi ngút, hoa tung tưng bừng.

Sau một hồi náo nhiệt, Ngọc Đế mới nghỉ nghiêm, nhìn hai bên tả hữu, chợt thấy bà Hoàng Hậu đứng thù lù một bên. Ngài cau mày tức giận, sẵn trong tay cầm bó hoa sen cọng dài vừa mới hiến cúng, Ngài giáng xuống bà Hoàng Hậu mấy roi và thốt lời:

– Con yêu! Ngăn bảo ở nhà mà không nghe, đòi theo cho được. Đồ yêu báo đời!

Hoàng Hậu vừa then vừa tức trợn mắt, nổi sùng lên:

– Thằng quý! Người dám đánh trên mặt ta, làm ta đau điếng. Rồi bà thét lên om sòm.

Thế là con yêu với thằng quý, hai đàng đánh mắng nhau inh ỏi chẳng còn gì sự thể của thượng giới nữa. Bởi vì khi mà sân si đến tối nó nổi lên, thì choáng mất hai cõi lòng trong sáng kia rồi, thời còn đâu phải quấy thể diện gì nữa!

Nhân đây mà lại thêm một tội nữa, làm mất tinh khiết, làm tiếng tăm của giới nữ bị ảnh hưởng. Bởi thường khi lời người nữ giống như là tiếng chim oanh thỏ thẻ trên cành liễu. Còn nay thì!!!

Trong đám người tham dự lễ rước Ngọc Đế có mặt vị Tiên nhân, người sẽ chủ trì buổi giảng kinh thuyết pháp cho Ngọc Đế nghe. Khi Ngọc Đế từ trên long xa bước xuống, vị Tiên nhân cũng đã có mặt, nên được vinh dự thưởng thức một cuộc ấu đả của hai vợ chồng Ngọc Đế. Nhưng chẳng may cho ông, vì định lực chưa đủ nên khi tiếng oanh vàng lãnh lót của Hoàng Hậu bay vào tai, khiến ông bị “mất đạo”, đứt thần thông và quên hết kinh pháp.

Bởi vì tiếng sân si vì ái tình phát ra có sức phá hoại khá mạnh mẽ, nếu sự tu luyện chưa được vững vàng. Chủ trì giảng kinh mà quên mất kinh. Ngọc Đế và Hoàng Hậu là thánh giả mà giữa đường xảy ra việc không đẹp như thế, thử hỏi còn ai giảng và ai nghe nữa. Thế là cuộc giảng kinh thất bại hoàn toàn, không phương cứu vãn. Cũng nhân đó mà khiến cho Ngọc Hoàng càng thêm nóng giận.

Bà Hoàng Hậu sát khí đằng đằng, tuy bên ngoài có chút lảng diu, nhưng bên trong vẫn sôi gan tức giận, nên đi thẳng về chỗ thân phụ tức A tu la vương tố trần sự việc. Nàng vừa khóc vừa nói:

- Tâu phụ vương, Ngọc Đế đem lòng phản bội, nhục mạ con trước bâng dân thiên hạ. Đánh đập chửi mắng chẳng chút thương tình. Mong phụ vương xem xét.

A tu la vương vốn đã có điềm không ưa, nay nghe con gái trình bày lòng thêm tức giận, lệnh truyền binh mã tiến đánh thượng giới. A tu la vương dùng sức thần thông, chân đạp sát đáy biển cả, tay vươn lên lưng lay tòa thiên

cung. Cuộc chiến diễn ra dữ dội suốt mấy trăm năm, cuối cùng Ngọc Đế đại bại, bỏ thiên cung trốn chạy.

Ngọc Đế chạy đến đức Phật để cầu viện binh. Sau khi thi lễ, Ngọc Đế khúm núm đứng nép một bên. Đức Phật dùng thương tình thế tục hỏi:

– Ngọc Đế từ xa đến có việc gì?

– Thưa, bạch đức Thế Tôn! Con có chút việc, xin Thế Tôn từ bi cho con thưa. Ngọc Đế trả lời.

– Người cứ nói. Đức Phật dạy.

Ngọc Đế tấu trình mọi việc, từ lúc khởi thủy cho đến khi chung cuộc, nhưng vẫn còn có chỗ dấu diếm, quanh co lấp ẩn chứ chưa thật ngay thẳng. Cuối cùng Ngọc Đế thưa:

– Lạy đức Thế Tôn, Ngài rũ lòng từ tái sinh cho con một lần nữa, con xin đội ơn Ngài vạn kiếp.

Với đức Phật, Ngài đã thừa hiểu, nhưng hỏi là hỏi vậy thôi. Cho nên Phật chẳng trách quở lăm mà Ngài ôn tồn dạy dỗ và an ủi:

- Ta vẫn biết các người còn nhiều tội lỗi lắm, nguyên do là bởi tham dục, ngu si, nghi ngờ, ghen tuông, sân giận, đánh đập, nghe lời con và cuối cùng chém giết lẫn nhau để giải quyết vấn đề, toàn là những việc không đâu cả, chung quy là do ngu si, thì các người thật ngu si hết mức! Ta nay dạy cho người nên thọ trì kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, nhờ đó mà mọi việc sẽ được êm xuôi tất cả.

Và Ngài quả:

- Sự việc xảy ra như hư không mà nói là có chút việc!

Ngọc Đế liền mừng rỡ, vội vàng nhận lãnh kinh văn, cúi đầu đánh lễ Thế Tôn rồi lui về. Liền khi đó A tu la vương đại bại, chui vào trong lòng ngó sen ẩn nấp. Từ đó A tu la oán hận, lúc nào cũng đem quân khiêu chiến với Ngọc Đế, nhưng kết quả vẫn là thảm bại nặng nề!

Lời bàn:

Chúng ta thường nghe, trong Đạo Phật có nói đến cụm từ "Tam đồ, lục đạo".

Tam đồ: ba đường đi. Chỉ ba cõi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh hành phạt những kẻ gây ác nghiệp. Ba đường còn là: Hỏa đồ (đường lửa) chỉ địa ngục là nơi nổi lửa mạnh để thiêu đốt tội nhân. Huyết đồ (đường máu) chỉ nẻo súc sinh là nơi ăn thịt lẫn nhau. Dao đồ (đường dao) chỉ nẻo ngạ quỷ là nơi bị gươm dao bứt bách. Đây là thuyết trong kinh Tứ Giải Thoát.

Lục đạo: sáu đường. Như lục thú, gồm: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la, nhân và thiên. Sáu thứ này chính là sáu đường luân hồi trong chúng sinh, nên gọi là lục đạo. Các chúng sinh tùy theo nhân nghiệp của mình mà tới đó, nên gọi là lục thú.

A tu la, dịch là không đoan chính, tướng mạo xấu xí. Đó là nói nam A tu la. Còn nữ A tu la thì diện mạo dung nhan mỹ lệ. Theo thứ tự thì loại này xếp dưới nhân đạo. Nương ở trong núi sâu bên bờ biển. Họ có thiên phước nhưng không có thiên đức. Nghĩa là phước lớn bằng trời nhưng đức độ thì kém xa. Loại này thường cùng trời Đao Lợi đánh nhau.

Đế Thích (vua cõi trời Đao Lợi) tuy làm vua chúa, nhưng vẫn còn ưa gái đẹp, vì chưa rời

côi dục. Khi thấy con gái của A tu la vương tên là Xà Chi, nhan mạo đẹp đẽ cực kỳ nên xin cưới về làm vợ.

Ma ha bát nhã ba la mật dịch là đại tuệ đáo bỉ ngạn (trí tuệ lớn đưa chúng sinh sang bờ giác ngộ bên kia) là một trong lục độ. Trí tuệ lớn là một trong yếu pháp đưa chúng sinh tới bờ Niết bàn, nên gọi là sang bờ bên kia. Theo Tâm Kinh Pháp Tạng Sớ: "Bát nhã là cái thể, có nghĩa là trí tuệ, tức là cái thể huyền diệu, diệu chứng chân tịnh. Ba la mật đà là cái dụng, có nghĩa là đáo bỉ ngạn. Tức là nhờ trí tuệ tuyệt diệu này đưa sinh tử sang qua đến cõi tận chí chơn không. Trí tuệ thường không đưa chúng sinh sang bờ bên kia được, cho nên gọi tên như vậy".

Nói tóm lại, kinh này nghĩa là Đại trí tuệ rốt ráo. Ngu si là căn bệnh trầm kha, chỉ có thuốc trí tuệ mới trừ được.

Với câu chuyện trên chúng ta có thể thấy, người đời tuy tu phước, làm việc từ thiện. Song phần nhiều hay nghi ngờ, đố kỵ, hơn thua, tranh giành lẫn nhau. Do đó sau khi chết bị đọa làm A tu la. Hay những người thường nóng giận, sân

si, khi còn sống nhìn họ ai cũng cảm thấy sợ hãi, không muốn gần, chắc chắn sau khi chết cũng sẽ thành A tu la.

A tu la thì có phước nhưng thiếu đức. Trời thì phước đức đầy đủ nhưng thiếu trí tuệ. Cho nên người học Phật, tu theo Phật cố nhiên là phải phước trí lưỡng toàn. Thiếu một trong hai thì rất chướng ngại trên đường tu.

Chúng ta thấy, Ngọc Đế sở dĩ phải chạy cầu viện đức Phật là vì muốn có được Đại trí tuệ. Cho nên Phật mới truyền kinh Bát Nhã, tức là truyền trao cái Đại trí tuệ ấy. Vì vậy, khi có trí tuệ trong tay thì sân giận, ngu si lập tức tan biến, giống như hình ảnh A tu la vương thua trận.

Cổ đức nói: “Sóng khổ ải hà, cao vút ngàn trượng. Thế nhân mê muội trọn ngày suốt tháng trôi lặn nơi bể khổ mênh mang”.

Thật vậy, người học Phật cần yếu là nhận rõ điều này, cần phải đoạn trừ những thứ tâm bất tịnh, tiến thêm một bước nữa là liễu thoát sinh tử chứng nhập Niết bàn, vì thế rất cần có trí tuệ. Chỉ có trí tuệ rốt ráo này mới có thể đưa chúng ta thoát khỏi biển khổ sinh tử để đến bến bờ giải thoát an vui.

BỔ THÍ SINH PHIÊN NÃO

Xá Lợi Phất hành Bồ tát đạo

Gặp nghịch duyên thối thất đạo tâm

Thuở xưa, khi mà Ngài Xá Lợi Phất đang tu Bồ tát đạo, công phu tu tập chưa được vững. Một hôm có người Bà La Môn đến thử Ngài. Họ nói:

- Người tu hạnh Bồ tát cần phải bổ thí. Tôi nay có chút việc đến xin Ngài giúp cho.

Xá Lợi Phất hỏi:

- Người cần ta giúp điều gì?

- Nói thật với Ngài, thân mẫu tôi bị bệnh,

thầy thuốc bảo cần phải có tròng mắt bên trái của người để làm thuốc, mới có thể chữa được? Người ngoại đạo nói.

Xá Lợi Phất nghe nói thế tự tay móc tròng mắt bên trái cho ngay.

Vừa móc mắt xong, người Bà La Môn liền nói:

– Trời ơi! Tôi đã nhầm, tôi cần mắt bên phải chứ không phải mắt bên trái.

Thấy vậy, Xá Lợi Phất móc mắt bên phải biếu luôn.

Người Bà La Môn, cầm hai tròng mắt đưa lên mũi ngửi và nói:

– Tròng mắt này có mùi tanh hôi chẳng dùng gì được! Rồi hấn vứt xuống đất, lấy chân chà đạp lên hai tròng mắt ấy.

Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất sinh tâm phiền não. Ngài tự nghĩ:

Vì mình muốn cứu mẹ nó thoát bệnh nên chẳng tiếc thân thể, khoét cả đôi mắt mà nó chê tanh vứt đi, đã vậy nó còn dùng chân chà đạp lên nữa chứ. Thật là xung tức!

Rồi Ngài nổi giận mà mắng rằng:

Chúng sinh như thế này, tốt hơn là Ta không tu Bồ tát hạnh nữa.

Lời bàn:

Chúng ta thấy, sở dĩ Xá Lợi Phất hoàn toàn thối lui hạnh nguyện Bồ tát trở về làm kẻ phàm phu, là do Ngài chưa quán triệt, hay nói đúng hơn là chưa đứng vững được trên lập trường tu Bồ tát đạo. Ngài cũng chưa thể lường trước những nghịch cảnh sẽ đến với mình.

Cho nên, khi gặp hoàn cảnh ác nghịch mà khởi độc tâm giận giữ liền bị quá báo đọa làm thân rắn độc. Sinh một niệm giận giữ là đọa ngay vào trong loài súc sinh mang độc tính. Mỗi khi phát nộ, động hỏa tức là quên mình, quên người, bất chấp gì cả, mặt đỏ tía tai, dấy tức là mặt người mà tâm A tu la. Vì lẽ trên mà chúng ta cần nhẫn nại khiêm nhường hòa bình mới phải lẽ. Nhẫn nại là sức mạnh lớn nhất của người tu Phật!

Thử xem người xưa tranh nhau, cũng chỉ vì miếng cơm manh áo, biết bao nhiêu triệu đại

trôi qua, không một triều đại nào có thể tồn tại mà không có máu đổ đầu rơi.

Thế giới ngày nay cũng vậy. Vì quyền lợi riêng tư, con người đã bất chấp tất cả, ý mạnh hiếp yếu, sử dụng những vũ khí tối tân, để mà gây chiến lẫn nhau. Mượn danh nghĩa tự do, hòa bình để trục lợi cá nhân, khiến thế giới bất an, con người luôn sống trong sự chết chóc, khủng hoảng. Hai tiếng hòa bình sao mà xa xôi diệu vợi!

Tất cả đều do tâm tham, sân, si của một vài cá nhân phát ra mà kết quả tai hại thật là khủng khiếp, thật chẳng muốn nghe, muốn hỏi đến làm gì cho phiền!

Vì vậy, để cứu vãn tình thế nguy nan, để thế giới thực sự hòa bình, tuổi trẻ chúng ta, những con người trí thức, hiểu biết, khát khao hạnh phúc nhân loại, hãy dùng con mắt trí tuệ của mình mà thực hành phương pháp Từ Bi Quán. Tức là quay trở lại, quán xét đức tính từ bi trong tâm hồn của chúng ta.

Mỗi một con người tuy khác nhau về hình dáng bên ngoài, nhưng bên trong ai cũng chứa đựng một đức tính từ bi, hiểu biết và tỉnh thức.

Từ là ban vui. Bi là cứu khổ. Quán là quán xét. Vậy ban vui cứu khổ cho ai? Quán xét là quán xét cái gì?

Ở đây, nên xét kỹ. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến trôi lăn trong vòng sinh tử, sự sống sự chết luân chuyển mãi không ngừng. Có lúc đã từng làm cha, làm mẹ, làm chồng, làm vợ, làm thân bằng quyến thuộc, thậm chí đã từng thù oán lẫn nhau.

Nhưng ngày nay chỉ thay mặt đổi mày, vì thế cả đám người chúng ta, tuy là cùng sống chung trên một hành tinh nhưng chẳng ai biết ngày trước đã từng có tương quan với nhau.

Hiểu được như vậy thì khi gặp những kẻ phản đối ta, khích bác ta, chọc tức ta, làm ta chẳng vừa ý, thời ta nên xem họ như cha mẹ, anh chị em của ta đời quá khứ, được như thế tự nhiên ta không còn giận, mà trái lại khởi tâm thương yêu, cung kính, quý mến họ.

Cho nên, muốn khiến tâm sân hận, oán thù lắng dịu, thời nên dùng đức từ bi quán mà làm chất liệu nuôi dưỡng mảnh đất tâm thức vốn thuần lương, thánh thiện.

Tuy nhiên, đức từ bi quán không phải là một phương pháp mà người căn tính ám độn có thể thực hành được. Chính vì thế, nên tốt hơn hết là thường xuyên trì niệm danh hiệu đức Bồ tát Quán Thế Âm để được lìa cơn sân giận. Bởi vì danh hiệu Ngài chính là cơn gió mát lành thổi qua sa mạc mênh mông vốn dĩ khô cằn, nóng bức.

*

*

*



*Đức Quán Âm ngồi trên mớim đá
Hai chân trần dáng điệu khoan thai
Mặc cho thế sự đổi thay
An nhiên ngồi giữa chuyển xoay cuộc đời*

KHỔ ƠI LÀ KHỔ!

*Bài thuyết pháp nói đời là khổ
Ngẫm lại xem, thật đúng chẳng sai*

Thuở xưa, có một nhà sư, thích tu hạnh đầu đà, nên ra đi phương xa để cầu thầy tham học.

Sáng hôm nọ, sư mang bát đi khất thực vào một xóm có đông người nữ cư sĩ. Họ cũng là những người tu hành, mà đầu còn búi tóc.

Các bà ấy khi thấy nhà sư họ mới nghĩ rằng:

– Vị Đại đức này, chẳng mấy khi đến xóm ta, hôm nay Ngài quang lâm thật hân hạnh cho chị em mình biết bao, vì Tăng áo như Phật lai mà.

Liền khi ấy, các bà lo sắm sửa cơm chay, thiết lập một pháp tòa, hương trầm hoa trái, thật chu toàn.

Khi đâu vào đấy, các bà cùng quỳ xuống mà bạch rằng:

– Kính bạch Đại đức, chúng con là hàng nữ nhân, tự biết mình phước mỏng nghiệp dày, cách xa chánh pháp, khó gần Phật đạo. Nay được Đại đức quang lâm, chị em chúng con vô cùng sung sướng và hạnh phúc. Vào giờ này pháp tòa đã trang nghiêm, hương trầm nghi ngút, cung thỉnh Đại đức đăng đàn mở cánh cửa pháp, khai thị cho chị em chúng con chút ít pháp mầu, giúp cho chúng con trong bước đường tu học.

Nhưng trở trêu thay! Nhà sư này từ nhỏ đến giờ chưa từng thính pháp nghe kinh, thì lấy gì khai thị bây giờ!

Thấy tình hình khó xử, nhà sư cũng nhắm mắt làm liều, leo lên pháp tòa, ngồi yên bất động, toát mồ hôi, xanh mặt tím tai, tâm thần vô cùng lí bí, bực quá mới thốt ra lời tự than:

– “Khổ quá!”

Rồi Ngài tiếp tục ngồi yên như một pho tượng vừa mới khai quang điểm nhãn.

Nãy giờ các bà quỳ trước pháp tòa để đón nghe lời khai thị, ngoài tiếng “khổ” thì chẳng nghe Ngài nói gì nữa.

Nhưng thần khí của một tiếng “khổ” bay ra trong lúc bất giác, bất tri có thần diệu thật phi thường, đã lọt vào tai của các bà một cách trọn vẹn.

Do đấy các bà khởi nghĩ đến thân phận của mình và của mọi người.

Trước khi tu hành, lúc còn nhỏ chịu sự bó buộc của cha mẹ. Khi lớn lên lấy chồng, sinh con nuôi cái, phụng sự chồng con, lo cho gia đình chén cơm manh áo, thiếu trước hụt sau, nhân tình thế thái lúc này lúc khác. Đến nay tuổi đã chừng này, đầu bạc răng lay... Đã từng nếm đủ mùi ngọt đắng chua cay, đã trải qua biết bao cảnh vui buồn vinh nhục.

Nghĩ đến quá khứ, trong tâm trí hiện đầy những nỗi thống khổ. Chao ôi! Khổ ơ là khổ, khổ biết bao! Nghĩ sao cho xiết. Về ngày tương lai thì mịt mịt mù mù, thân thể gia đình, sống

còn chết mất, chẳng biết về đâu, ruộng dâu bể bãi nào ai đảm bảo cho được.

Nghĩ vậy các bà buồn tủi cho thân phận mình, bất giác rơi lệ, một bà khóc, kéo theo cả đám cùng khóc.

Nhà sư chẳng hiểu gì cả, Ngài kinh hãi hoảng sợ, nhưng cũng không biết làm cách nào để xuống pháp tòa cho được.

Phần các bà vì quán triệt được cái khổ, thấy rõ cái khổ đến cực độ, cho nên vong cảnh vong tình, bất ngờ các bà nhập vào khổ đế thiền định tam muội.

Bấy giờ quang cảnh vắng lặng như tờ, nhà sư nhanh chân leo xuống pháp tòa, lẹ tay ôm chiếc bình bát, chẳng lời từ biệt, một mạch đi thẳng, chẳng nghĩ đến cơm nước gì cả.

Lát sau các bà xuất định thì thấy vị Tăng đã đi xa, các bà vô cùng ân hận là chưa kịp cúng dường, họ nói:

- Thật là có lỗi! Đại Tăng đã đi xa rồi không biết ngày nào trở lại, một chữ khổ của Ngài thọ dụng cả đời chưa hết, quả là Thánh

Tặng tái thế. Nói xong các bà cùng nhau quỳ xuống, nãm vóc sát đất, hướng về Đại Tăng, cúi đầu vong bái.

Lời bàn:

Quả thật là khổ! Cái khổ trên thế gian này khó mà kể cho hết được. Con người sống trên đời, không lúc nào không khổ. Giàu cũng khổ mà nghèo cũng khổ. Thông minh tài trí cũng khổ, si mê đại dột cũng khổ.

Nói đến khổ thì vô lượng vô biên, song đức Phật chỉ dạy có tám thứ khổ căn bản chi phối kiếp sống con người: “Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, cầu không được khổ, thương yêu chia lìa khổ, oán thù gặp nhau khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ”.

Chúng sinh hiện nay đang trôi hụp trong biển khổ mênh mông không bờ bến, trọn đời mãi kiếp chịu khổ mà chẳng hề biết khổ. Trái lại còn đem vui làm khổ. Như lũ dòi kia lặn hụp trong hố phân hôi thúi tìm kiếm thức ăn mà chẳng biết mùi phân hôi thúi, si mê đại dột tư

nhận hổ phân làm nhà, làm thức ăn, vì thế mà đời đời kiếp kiếp không thoát ra được.

Muốn dứt trừ cái khổ, không chỉ hơn tìm ra nguyên nhân, nguồn gốc của khổ. Nhân khổ đã diệt thì quả khổ sẽ không còn. Nhân khổ chính là những tâm sở bất thiện (nói theo Duy thức học) ẩn chứa bên trong tâm thức mỗi người như là: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... Những tâm sở bất thiện này thôi thúc chúng ta hành động, nói năng, nhận thức bằng tri kiến sai lầm, từ đó làm khổ cho mình và khổ cho người. Phải dứt trừ được nguyên nhân gây ra phiền não, khổ đau này mới hi vọng đoạn lìa quả khổ.

Đức Thế Tôn thị hiện trong đời này, suốt bốn mươi chín năm thuyết pháp, nội dung không ngoài việc chỉ cho chúng sinh thấy rõ cái khổ và con đường để diệt khổ.

Nếu như muốn diệt khổ phải thực hành Đạo đế. Tức là phải chân thật xuất thế vậy. Đạo là gì? Là giới, định, tuệ. Nhất tâm niệm Phật, chẳng trì giới mà giới tự trì. Niệm đến nhất tâm bất loạn, trong ngoài yên lặng tịnh thanh tức là định, liền khi đó thông suốt vạn pháp, thoát vòng nhị nguyên, tự tại vô ngại, tức là tuệ. Tu

hành giới, định, tuệ tức là đạo đầy. Đây chính là phương pháp đối trị tham, sân, si là tập nhân của phiền não, đau khổ. Nhân khổ đã diệt, thời quả khổ diệt, tức chứng được thiên định khổ đế tam muội.

Niệm danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm cũng không ngoài mục đích trên. Khi chúng sinh đau khổ cùng cực, niệm danh hiệu Ngài sẽ lìa khổ được vui. Vì niệm Quán Thế Âm chính là niệm từ bi, niệm của tình thương, niệm của hiểu biết và lòng tha thứ. Thường xuyên niệm Ngài, tức là thường xuyên huân tập những tâm sở thiện, khiến cho trí tuệ rộng mở, tâm cảnh dung thông, ta người đều mất, ngay khi đó niềm vui xuất hiện, ngay khi đó Bồ tát liền ở trước mặt, chẳng phải đâu xa.

*

*

*



*Phổ môn vọng tiếng triều dân
Bé thơ xuất hiện giữa lòng đóa sen*

BÀNG UẨN ĐẠO NGUYÊN

*Khi ngộ đạo gia tài vứt bỏ
Coi vô thường như thế trò chơi*

Bàng Cư Sĩ, tên Uẩn, tự Đạo Nguyên, người đất Nhưong Dương. Cha làm quan Thái thú trấn nhậm thành Hoàn Dương. Ông ngụ ở thành phía nam, dựng am ở phía tây để tu hành. Đời Đường, niên hiệu Trinh Quán thứ nhất, Cư Sĩ đến tham học với thiền sư Thạch Đầu, khi Cư Sĩ thưa hỏi:

– Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, đây là người nào?

Ngài Thạch Đầu vội lấy tay che miệng Bàn Uẩn. Bàn Uẩn hoát nhiên có chỗ tỏ ngộ.

Một hôm, Thạch Đầu hỏi Bàn Uẩn:

– Thấy từ trước đến giờ, trong những việc nhứt dụng, thầy có ý nghĩ gì?

Bàn Uẩn thưa:

– Nếu hỏi việc nhứt dụng, tức là không có chỗ mở miệng.

Liền đó ông trình kệ rằng:

“Việc nhứt dụng không khác,

Chỉ tôi tự gặp gỡ

Mọi việc chẳng thủ xả

Mỗi chỗ không phô trương

Đỏ, tía ai làm hiệu

Non khuê dứt điểm trần

Thần thông và diệu dụng

Gánh nước với bữa củi”.

Ngài Thạch Đầu nhận cho là đúng. Sau, Cư Sĩ tham học với Mã Tổ lại hỏi:

– Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, đây là người nào?

Mã Tổ đáp:

– Đợi người một miệng uống hết nước sông Giang Tây, ta sẽ vì người nói rõ.

Cư Sĩ nghe xong liền lãnh hội ý chỉ, ở lại hầu Mã Tổ hai năm.

Từ đó về sau, cơ phong của Cư Sĩ rất lạnh lẽ, chẳng ai nạn vấn được. Cư Sĩ thường dùng thuyền chở vô số củi bấu đem bỏ xuống sông.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ nhất, Cư Sĩ về đất Nhương Dương, nương ở nơi hang cọt trong núi cùng với vợ con. Cả nhà cùng nhau tu học, cùng nhau đốn trúc, đan giỏ tre ra chợ bán để làm kế sinh nhai.

Cư Sĩ có làm bài kệ:

Có con trai chẳng cưới vợ

Có con gái chẳng gả chồng

Cả nhà cùng cạo tóc

Cùng nhau nói chuyện vô sinh.

Lại làm bài kệ nói rằng:

Tâm như, cảnh như

Không diệt, không hư

Bất thị hiền thánh

Liễu sự phạm phu.

Khi gần lâm tịch, Cư Sĩ gọi con gái là Linh Chiếu, dạy rằng:

– Con ra coi thử mặt trời sớm hay chiều. Chừng nào đến giờ Ngọ báo cho cha biết.

Linh Chiếu trở vào thưa;

– Mặt trời đã đến giờ Ngọ nhưng có trùng ăn, vậy cha thử ra xem.

Cư Sĩ liền rời chỗ nằm, đến bên cửa sổ. Linh Chiếu liền vội đến bên giường, ngồi kiết già mà hoá. Cư Sĩ trở vô thấy vậy liền cười mà nói rằng:

– Con gái ta cơ phong rất lạnh lẽ.

Nói xong, gom củi lại thiêu xác con. Cư Sĩ liền triển hạn đến bảy ngày sau.

Đúng bảy hôm sau, tình cờ quan Thái thú Du Do, vốn là người bạn thân hậu đến vấn an Cư Sĩ. Cư Sĩ nói:

– Tôi chỉ nguyện không các chỗ có, dè dặt chớ thiệt các chỗ không, trụ ở cõi đời như bóng, như vang.

Nói rồi, liền ngồi sững giống như người đang suy nghĩ. Lúc đó mùi hương thơm ngào ngạt khắp phòng. Quan Thái thú vội kêu Cư Sĩ, nhưng Cư Sĩ đã thấu thần thị tịch.

Trước kia, Cư Sĩ có dặn dò:

– Sau khi ta mạng chung, hỏa táng, rồi đem xương tàn bỏ xuống sông, hồ.

Quan Thái Thú sai người báo cho vợ Cư Sĩ biết. Bà vợ nói rằng:

– Đứa con gái si mê cùng ông già vô tri, chẳng báo cho tôi biết mà bỏ ra đi, sao mà nhẫn tâm vậy.

Nhân đó, bà đến báo cho người con trai biết. Người con trai đang đi cày ruộng, vội bỏ cày nói:

– Hả?

Giây lâu cũng đứng ngay đó mà viên tịch.

Người mẹ nói rằng:

– Đứa con ngu, sao mà ngu si quá lắm vậy.

Rồi cũng lo gom củi hỏa thiêu thân xác đứa con trai. Sau đó một thời gian ngắn, bà đi

khắp trong làng xóm cáo biệt rồi ẩn thân, chẳng biết tông tích như thế nào.

(Trích trong bộ truyện *Truyện Đăng Lục*, tập *Bàng Cư Sĩ*).

Lời bàn:

Bàng Uẩn là một cư sĩ thông đạt lý tính, lãnh hội yếu chỉ thiên, cho nên thái độ của ông đối với đời rất ung dung, tự tại. Đối với ông không phải tỏ ra nhàm chán cuộc đời, tìm lên non ẩn dật mới gọi là yếm ly thế gian, không cần phải tu luyện có thần thông biến hóa mới gọi là siêu xuất thế gian.

Ông sống một cuộc đời bình thường có vợ, có con, có nghề đốn trúc, đan giỏ để mưu sinh độ nhật. Nhưng cái khác biệt của ông, cái siêu xuất của ông là ở những điểm khác biệt sau đây:

– *Cha làm quan mà ông chẳng thiết đến công danh, phú quý, chẳng chịu sống lầu gác, dinh thự, lại đi dựng lều che am lên mà ở.*

– *Người đời khư khư ôm giữ của tiền, báu vật, ông có bao nhiêu liền gom góp chở thuyền đem ra giữa sông mà tuông xuống.*

Đáng lý ra, khi ông không cần dùng đến của quý báu thì ông nên đem của tiền ấy mà bố thí cho bao nhiêu người nghèo khó, giúp cho đời sống của họ được đầy đủ hơn, cứ sao lại đành lòng bỏ hết đi, hành động ấy nào có lợi lạc gì cho ai đâu?

Thật ra, đây là vấn đề nhân sinh quan. Đa số người đời đều ham chuộng vàng bạc châu báu, vì nó giúp cho cuộc sống của họ được đầy đủ, sung sướng và nhàn hạ. Nhưng đối với bậc thức giả, vàng bạc làm tổn hại con người nhiều hơn là làm lợi ích.

Vàng bạc chỉ giúp cho chúng ta sung sướng trong nhất thời, mà tác hại của nó rất lớn lao, nó làm cho con người sinh ra lười biếng, ỷ lại, chẳng thể phát huy được cái đức tính cần cù, chịu khó, nhẫn nhục, tiết kiệm v.v... của cải vàng bạc lại là đầu mối của sự tranh chấp. Nó làm sút mẻ tình anh em, bà con, láng giềng. Tệ hại hơn nữa, nếu con người cứ mãi tham luyến hay vọng cầu châu báu, vàng bạc thì lòng tham dục ngày càng tăng, nghiệp nhân ngày càng chồng chất, biết đời nào dẹp trừ cho hết được?

Vàng bạc còn nguy hại hơn rắn độc vì rắn độc chỉ làm hại thân mạng một đời này, còn ngọc ngà, châu báu nhận chìm chúng ta trong bể khổ trầm luân trải vô lượng kiếp, không biết bao giờ thoát ra được.

Bởi thế, Bàng Uẩn không dùng của để bố thí, có bao nhiêu đều đem bỏ xuống biển. Hành động này ngụ ý khuyên người đời không nên tham đắm của tiền mà làm nguy hại cho thân tâm. Có lẽ cư sĩ Bàng Uẩn cũng dẫn đo, suy nghĩ, cân nhắc về sự lợi lạc của bố thí và sự lợi lạc thù thắng của hành động thức tỉnh người đời nên ông mới làm vậy.

– Người ta có con trai, con gái lớn lên thì lo dựng vợ, gả chồng để lưu truyền tử tôn cho có người thừa tự. Còn ông thì:

Con trai chẳng cưới vợ
Con gái chẳng gả chồng
Cả nhà cùng cạo tóc
Cùng nhau nói chuyện vô sinh.

– Người ta muốn tu hành rất ráo thì phải cắt ái, ly gia. Ông đi cầu đạo vô thượng mà vẫn còn đa mang vợ con, gánh nặng gia đình.

Cảnh tử vong, ai cũng khiếp đảm kinh hồn. Riêng gia đình ông thì ai cũng an nhiên hóa vãng, buồn cười nhất là cô con gái Linh Chiêu đã giành với cha để đi trước. Xem những cảnh hóa vãng mau lẹ của gia đình Bàn Uẩn, chúng ta mới nhận rõ thiên đạo là phải vong tình, không nên để dính mắc vào bể ái của phàm phu. Đến như bà vợ của Bàn Uẩn, tuy có lời lẽ như phàn nàn, như trách móc theo thông lệ thường tình của thế nhân, nhưng thật ra, bà cũng không câu chấp gì nghi lễ thông thường trong cảnh tử biệt sinh ly. Nên, sau khi hỏa thiêu chồng con rồi, bà đi từ già bà con chòm xóm liền lánh ẩn phương xa để tìm nơi thoát hóa.

Do đâu mà Bàn Uẩn có những hành động tự tại như vậy, trong khi người đời luôn luôn bị hoàn cảnh ràng buộc, chi phối? Hệ chúng ta sống với thế gian thì bị vướng vào thế gian pháp: nào là lo toan mọi sự trong gia đình, nào là tính được, tính thua, sợ còn, sợ mất, lo giàu, lo nghèo, vì thế phải bươn chải ngược xuôi, gánh gồng mãi kiếp, thân tâm chẳng chút nào rảnh rang, thư thả.

Một số người khác, chọn lối sống yếm ly. Họ cũng không khá gì hơn, do sự thiên chấp của họ: muốn sống cảnh khác đời mà vẫn còn dùng cơm gạo của đời. Muốn lánh xa mùi tục lụy mà tâm vẫn chứa đầy bụi bặm thế gian. Muốn tu luyện để đắc phép màu, cho ra vẻ người đạt đạo, thế mà tâm vẫn còn vướng mắc duyên đời thì làm sao bước ra ngoài thế tục.

Những người này, thân của họ tuy ở chốn núi rừng u tịch, nhưng tâm của họ quấy động không yên. Sự mâu thuẫn giữa thân và tâm bắt nguồn từ sự cố chấp, phân biệt cảnh thế gian và xuất thế gian, vì vậy họ bị giam hãm trong thiên kiến của họ.

Trái lại, Bàng cư sĩ thông đạt yếu lý thiên tông, biết diệu dụng của câu "Không cùng muôn pháp làm bạn", vì ông đã khế hội được "Tâm như" cùng "Cảnh như".

Đối với ông, muôn pháp vốn không có sai biệt, nên đối với các pháp ông cũng dùng tâm vô phân biệt, tùy duyên xử sự. Do đó, ông sống an nhiên, tùy thuận theo cảnh thời mà không bị cảnh thời lôi cuốn. Vì không phân biệt thế gian và xuất thế gian, nên ông không bận tâm về vấn

đề tại gia hay xuất gia. Ông không phân biệt giàu nghèo, vinh nhục, nên cũng không quý trọng vàng bạc, quan chức. Do không phân biệt mà không sinh tâm thủ xả, không có gì đáng yêu thích, cũng không có gì đáng sợ hãi. Sinh, tử, Thánh, phàm, có không, còn mất, chỉ là những huyễn tượng do tâm đối đãi mà sinh ra chứ đâu phải là thật có.

Khi tâm không còn thủ, xả thì tâm trở nên linh hoạt tuyệt vời: không đâu không đến, bởi không có gì làm ngăn ngại. Đó là diệu dụng của đạo pháp xuất thế. Bởi vậy khi đạt đạo rồi thì làm việc gì cũng hợp thời, hợp cơ, làm việc gì cũng thể hiện được đạo mẫu. Nên nói: bữa củi, gánh nước là thần thông.

Bàng cư sĩ trước đặc pháp với Thạch Đầu thiền sư, sau ngộ đạo nhờ Mã Tổ. Vì thế, tâm ông không còn bị vướng mắc trong vòng sự, tướng đối đãi. Ông sống yếm ly thế gian mà không chấp tướng yếm ly. Ông có hành động siêu xuất mà không chấp có tướng siêu xuất. Đây mới thật là thâm đạt lý, tính yếm ly và siêu xuất.

Lời di ngôn của ông đã hàm chứa trọn vẹn sở ngộ và sở hành của ông: "Tôi chỉ nguyện

không các chỗ có, dè dặt chớ thiệt các chỗ không, trụ ở cõi đời đều như bóng, như vang”.

Vậy mới biết, một người muốn thâm đạt lý tính “Yểm ly, Siêu xuất” để có thể “Cư trần bất nhiễm trần” như Bàng Uẩn, phải là một người không còn phân biệt, không còn thiên chấp. Đối với có, không cho là thiệt có, đối với không, chẳng nghĩ là thiệt không. Cảnh trạng nào xảy ra quán là mộng huyễn. Do đó mà buông bỏ những kiến chấp sai lầm, những điều thủ xả của phàm phu. Tâm nhờ đó mà không bị ràng buộc, không bị nhiễm ô. Tuy sống giữa trần ai mà tâm không dấy bụi, ví như đóa sen thơm ngát giữa bùn lầy, tuy không siêu xuất, cách ly mà lại hóa ra siêu trần, thoát tục³.

*

*

*

Trích toàn văn Kinh Hoa Nghiêm lược giảng của cố Ni trưởng Thích Nữ Như Thanh, từ trang 45 đến 50.

Tài liệu trích dẫn

❖ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Quán Thế Âm Bồ tát Phổ Môn Giảng Lục (*Pháp sư Bảo Tịnh giảng – Hòa thượng Thích Trí Nghiêm dịch năm 1972*).

❖ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải, phẩm Phổ Môn (*Hòa thượng Thích Thanh Từ – Nhà xuất bản Tôn giáo 1999*).

❖ Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương (*Hòa thượng Thích Từ Thông – Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh, tr 157*).

❖ Sen nở trời phương ngoại (*Hòa thượng Thích Nhất Hạnh – Lá bối, tr 242, 243, 244*).

❖ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn (*Hòa thượng Thích Trí Tịnh – Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh*).

❖ Bộ băng giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
(Cố Đại lão Hòa thượng Thích Tâm Thanh).

❖ Giai Thoại Nhà Thiên (Thượng tọa Thích Minh Phát – Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh 1997, tr 27, 28 và 31).

❖ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Nghĩa, phẩm Phổ Môn (Thượng tọa Thích Thiện Trí – Nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh).

❖ Lược Giảng Kinh Hoa Nghiêm (Cố Ni trưởng Thích nữ Như Thanh – Chùa Huệ Lâm, tr 45 đến 50).

❖ Từ Điển Phật Học Hán Việt (Nhà xuất bản khoa học xã hội – Phân viện nghiên cứu Phật học ấn hành, tr 682, 709, 710, 1101).

Và một số tư liệu khác.



MẤY LỜI TÂM HUYẾT

Thuyết pháp giảng kinh, viết sách giáo lý nhà Phật hoặc in kinh sách đem phát cho mọi người xem, để họ sớm giác ngộ, được như thế hạnh phúc không gì bằng, đó gọi là pháp thí.

Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta thỉnh một số kinh sách chịu khó đem đến từng nhà cho mượn đọc, sau đó lần lượt cho nhà khác mượn, hoặc đọc cho kẻ khác nghe, nhất là cho người không biết chữ. Việc làm này quý giá vô biên, đây cũng gọi là pháp thí.

Chính đức Phật đã dạy: "Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng".

Tưởng về lợi cũng như về danh, chúng ta đừng nên lo nghĩ, mà điều tối cần là làm sao cho rạng rỡ chánh đạo. Đó là mục đích chính, thiêng liêng và cao cả nhất của chúng ta. Nền móng đạo pháp cần nhờ sự chung lưng góp sức của chúng ta. Vậy mỗi người nên xây đắp vào đó một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một viên gạch v.v... ngõ hầu cái nền móng ấy được thêm bền vững và kiên cố đời đời.

Chúng ta không nên quan niệm về công đức, hãy nên nghĩ nhiều đến những người lầm đường lạc lối, sống trong vòng tội lỗi không lối thoát xung quanh chúng ta. Hãy mau cứu vớt họ, cảnh tỉnh họ để cùng quay về chân lý, giúp họ tìm ra lẽ sống, niềm vui. Được thế, chính ta đã làm lợi ích cho Phật pháp vậy.

Với hoài bão cuộc đời, chúng ta hãy "Tất

Cả Vi Phật Pháp". Hy vọng mấy lời tâm huyết này được nhiều vị hảo tâm in kinh sách cho mọi người xem!

Được vậy, niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với chúng ta! Tha thiết mong mọi như thế!

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình không vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Chỉ có một cách là tặng các loại sách tu hành để xây dựng cho đời sống thanh cao, thì dù một quyển sách giá chỉ vài ngàn, nhưng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu.

Quý vị nào muốn phát tâm ấn tống kinh sách, xin liên hệ: CHÙA HOÀNG PHÁP, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 7130002-7133827.

Email: hoangphap@hcm.vnn.vn

*

MỤC LỤC



01. Lời nói đầu	5
02. Phàm lệ	9
03. Niệm Quán Âm thoát được thủy tai.....	11
04. Pháp Trí hòa thượng thoát hỏa tai	19
05. Tại vì ghen!	25
06. Dạ xoa ăn thịt người	36
07. Người vợ hung dữ	50
08. Tụng kinh lấy được mỹ nhân	60
09. Người buôn gạo xứ thượng ngu	68
10. Trúc Trường Thư và Vương Viên Ngoại.....	82
11. Chẳng tin bị hại	87
12. Mượn án oan để độ Thừa Tướng	92
13. Nam Cung Tử Ngao.....	100
14. Lữ Thị thoát án oan	108

15. Đàm Hiếu Khanh.....	120
16. Phụ lục:	
* Truyền thuyết kinh Bát nhã	132
* Bồ thí sinh phiến não	142
* Khổ ơi là khổ!	149
* Bàn Uẩn Đạo Nguyên.....	157
17. Tài liệu trích dẫn	169
18. Mấy lời tâm huyết	171

Mục lục



Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn